

Số : 1216 /2026/TB-XNK

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Hội đồng Quản trị Công ty CP xuất nhập khẩu Hàng không trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, thông tin cụ thể như sau :

- 1. Thời gian:** 8h00 sáng, Thứ tư, ngày 20 tháng 05 năm 2026
- 2. Địa điểm:** Phòng họp tầng 2 nhà A, Trụ sở Công ty, 414 Nguyễn Văn Cừ, Bờ Đề, Hà Nội
- 3. Nội dung Đại hội:**
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026.
 - Báo cáo kết quả kiểm toán BCTC năm 2025.
 - Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên.
 - Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025.
 - Báo cáo của HĐQT về chi thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS: thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026
 - Báo cáo của HĐQT v/v: Ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026.
 - Bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031
 - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Nội dung, chương trình Đại hội, giấy đăng ký dự họp, giấy uỷ quyền tham dự và các tài liệu liên quan tại Đại hội quý vị cổ đông vui lòng xem nội dung chi tiết tại website: airimex.vn

4. Thành phần tham dự:

- Tất cả các cổ đông của Công ty CP XNK Hàng không theo danh sách chốt ngày: 17/04/2026
- Các khách mời của Công ty (nếu có)
- Trường hợp không thể tham dự Đại hội, Quý cổ đông được phép uỷ quyền bằng văn bản hợp lệ cho người khác dự thay.

5. Đăng ký tham dự



Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, đề nghị Cổ đông vui lòng gửi Giấy đăng ký dự họp, Giấy ủy quyền, Phiếu đóng góp ý kiến (nếu có), Đơn ứng cử, đề cử theo hình thức gửi trực tiếp, fax hoặc email cho Ban tổ chức chậm nhất đến ngày **10/05/2026**.

6. Ban tổ chức Đại hội

Công ty CP xuất nhập khẩu Hàng không.

Số 414 Đường Nguyễn Văn Cừ – Bồ Đề - Hà Nội.

Điện thoại 04.38770265 hoặc 04.38271351 – Fax: 04.38271925

Người liên hệ: Ms Diệp – điện thoại 0376962992 hoặc Mr Lộc – điện thoại 0913315414

Email: diepnn@airimex.vn – locdp@airimex.vn

Lưu ý:

- Khi đến tham dự vui lòng mang theo thư mời họp, giấy ủy quyền, CCCD hoặc Hộ chiếu.

- Chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác trong thời gian dự Đại hội do người tham dự chịu.

Xin trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: VT,QLCĐ,T/ký Công ty.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Khắc Hậu



Số: 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Đề nghị HĐQT thường niên năm 2026 xem xét, thông qua một số nội dung

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Hàng không

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua một số nội dung sau:

1. Chương trình Đại hội:

Có Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần XNK Hàng không kèm theo.

2. Quy chế làm việc của Đại hội:

Có Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần XNK Hàng không kèm theo.

3. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán:

Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

• Tổng tài sản (31/12/2025)	:	231.444.909.259 đồng
• Vốn chủ sở hữu (31/12/2025)	:	40.600.986.742 đồng
• Tổng doanh thu (01/01/2025 - 31/12/2025)	:	296.432.079.603 đồng
• Lợi nhuận trước thuế (01/01/2025 - 31/12/2025)	:	7.660.322.944 đồng

Các số liệu chi tiết được ghi tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM kiểm toán.

4. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025:

Bảng tổng hợp một số chỉ tiêu SXKD cơ bản thực hiện năm 2025
(Chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	275.162	296.432	107,73%
Tổng chi phí	268.558	288.772	107,53%
Lợi nhuận trước thuế	6.604	7.660	115,99%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện so với kế hoạch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.242	5.931	113,15%
Mức chia cổ tức dự kiến	10%/VĐL	20%/VĐL	200,00%
Tổng mức đầu tư (giá trị giải ngân)	6.700	475	7,09%

5. Kế hoạch SXKD năm 2026:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2026

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	KH 2026 so với TH 2025
Tổng doanh thu	296.432	454.785	153,42%
Tổng chi phí	288.772	446.313	154,56%
Lợi nhuận trước thuế	7.660	8.473	110,60%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.931	6.700	112,96%
Mức chia cổ tức dự kiến	20%/VĐL	16%/VĐL	80,00%
Tổng mức đầu tư (giá trị giải ngân)	475	10.200	2.146,46%

Các số liệu chi tiết và diễn giải được nêu tại Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty gửi kèm theo Tờ trình của HĐQT Công ty trình ĐHCĐ thường niên năm 2026.

6. Báo cáo của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2026:

Có báo cáo của HĐQT kèm theo.

7. Báo cáo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 của Công ty:

Có báo cáo của BKS kèm theo.

8. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Có Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 kèm theo.

9. Chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2025 và đề nghị mức chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2026:

Có báo cáo thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2025, đề nghị mức chi thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2026 kèm theo.

10. Báo cáo về việc trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026:

Có báo cáo về việc trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026 kèm theo.

11. Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031:

Có Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 kèm theo.

12. Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031:

Có Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 kèm theo.

Các tài liệu có liên quan đến những nội dung trên xin được gửi kèm theo Tờ trình này. Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, T/K Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Khắc Hậu



PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

(Phương án kèm theo Tờ trình số: 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/04/2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2025 của Công ty là	7.660.322.944 đ;
- Thuế TNDN phải nộp năm 2025:	1.728.919.616 đ;
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN:	5.931.403.328 đ;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế và 20% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch)	731.020.998 đ;
Trong đó: + <i>Quỹ khen thưởng: 146.204.200 đ</i>	
+ <i>Quỹ phúc lợi: 584.816.798 đ</i>	
- Trích quỹ thưởng người quản lý (1,5 tháng lương, thù lao thực hiện 2025 của Ban điều hành, TV HĐQT và TV BKS)	470.935.000 đ;
(Phương án thưởng cụ thể đề nghị ĐHĐCĐ giao HĐQT xem xét quyết định)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025:	4.729.447.330 đ;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối những năm trước còn lại:	5.184.628.409 đ;
Tổng LN sau thuế TNDN chưa phân phối đến 31/12/2025:	9.914.075.739 đ;
- Đề nghị mức chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, tỷ lệ 20% (2000 đồng/cổ phần) là	6.222.566.000 đ;
Trong đó:	
+ <i>Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2025 (10%) đã thực hiện là</i>	<i>3.111.283.000 đ;</i>
+ <i>Đề nghị chi trả cổ tức lần 2 năm 2025 (10%) là</i>	<i>3.111.283.000 đ;</i>
- Lợi nhuận còn lại chưa chia là	3.691.509.739 đ;

Đề nghị HĐQT quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức lần 2 năm 2025 (bằng tiền) là: 17 giờ 00, ngày 04/06/2026; Thời gian thực hiện chi trả cổ tức lần 2 năm 2025: từ ngày 24/06/2026.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG

Đào Khắc Hậu

BÁO CÁO

1. Thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2025;
 2. Đề nghị mức chi thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2026.
- (Báo cáo kèm theo Tờ trình số: 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/04/2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 ngày 12/06/2025 về mức thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2025;

Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 1983/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 07/11/2025 của HĐQT Tổng công ty HKVN và Công văn số 2000/TCTHK-ĐTMS ngày 10/11/2025 của Tổng công ty HKVN hướng dẫn về việc xác định thù lao của TV HĐQT, KSV làm việc không chuyên trách tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty HKVN.

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ Công ty về việc thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025 và đề nghị tổng mức chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2026 như sau:

1. Thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025:

- Thành viên HĐQT: 4.640.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban Kiểm soát: 3.450.000 đồng/người/tháng;
- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.890.000 đồng/người/tháng.

Tổng cộng: 333.480.000 đồng.

Công ty đã thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025 đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2025.

2. Đề nghị mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2026:

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua mức chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2026 như sau:

- Thành viên HĐQT: 8.700.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban Kiểm soát: 6.460.000 đồng/người/tháng;
- Các thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

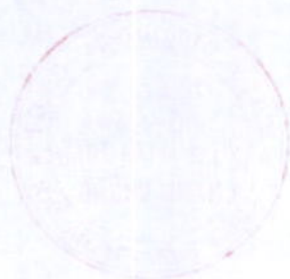
Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đào Khắc Hậu

PHỤ LỤC CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026 ĐẾN THỜI ĐIỂM
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CỦA CÔNG TY NĂM 2027
(Đính kèm theo Báo cáo số 1151 /2026/BC-HĐQT-XNK ngày 16 / 4 /2026)

Stt	Đối tác giao dịch	Nội dung giao dịch
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (và các công ty con của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP)	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ





Dự thảo

HỢP ĐỒNG KHUNG MUA BÁN HÀNG HÓA

(Kèm theo Báo cáo số: 1151/2026/BC-HĐQT-XNK, ngày 16/4/2026)

[Tên hàng hóa]

Số:/ARM.....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

Hôm nay, ngày tháng năm, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên Mua (Bên A):

Địa chỉ: .

Điện thoại:

Fax:

Đại diện:

Chức vụ:

(Theo Quy định phân cấp, ủy quyền của Tổng giám đốc tại QĐ số ... ngày)

Bên Bán (Bên B): CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 38271939

Fax: (024) 38271925

Đại diện: Ông

Chức vụ:

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán (Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng hóa, đơn giá hàng hóa

Đvt: VNĐ

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Đơn giá (chưa có VAT)
1				

1.1 Đơn giá hàng hóa của Hợp đồng là giá giao tại kho của Bên A tại sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, bao gồm đơn giá chưa VAT và thuế VAT, trong đó:

- Đơn giá chưa VAT là đơn giá cố định, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện HĐ;
- Thuế VAT có thể thay đổi theo các quy định của Nhà Nước và áp dụng từ ngày các quy định có hiệu lực.

1.2 Số lượng, giá trị hàng hóa giao nhận thực tế sẽ quy định cụ thể tại Đơn đặt hàng (PO) và là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Tổng số lượng gọi hàng của các đơn đặt hàng (P/O) không vượt quá [số lượng hợp đồng]

1.3 [Bên B chấp nhận có thể dừng Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên A không còn nhu cầu sử dụng mặt hàngnêu trên sau..... ngày [ngày]. Trong trường hợp Bên A muốn dừng Hợp đồng, Bên A sẽ gửi thông báo cho Bên B tối thiểu 30 ngày trước thời điểm dừng Hợp đồng.]

Điều 2. Qui cách, chất lượng sản phẩm, đóng gói

- 2.1 Quy cách, chất lượng sản phẩm: Theo đúng mẫu sản phẩm của mặt hàng được hai Bên ký xác nhận. Ngoài ra, sản phẩm còn phải đáp ứng các yêu cầu sau của Bên A:
[Quy cách kỹ thuật]
- 2.2 Bên B chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất, quy cách chất lượng hàng hóa.
- 2.3 Bên B chịu trách nhiệm về việc hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn do cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam quy định.
- 2.4 Quy cách đóng gói:
a) Cách thức đóng gói:
b) Yêu cầu thùng carton: ...

Điều 3. Giao nhận

- 3.1 Thời gian cung cấp hàng hóa: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.
- 3.2 Địa điểm và phương thức giao nhận:
a) Bên B giao hàng cho Bên A tại kho của Bên A ở sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.
b) Mọi chi phí phát sinh liên quan đến vận chuyển, bốc dỡ hàng từ phương tiện vận chuyển của Bên B đến cửa kho của Bên A do Bên B chịu.
c) Mọi chi phí liên quan đến việc ra vào sân đỗ, soi chiếu an ninh (bao gồm cả chi phí bốc xếp lên/ xuống máy soi chiếu) do đơn vị tiếp nhận hàng hóa chịu nếu kho của đơn vị tiếp nhận hàng hóa nằm trong khu vực hạn chế của sân bay.
- 3.3 Đơn vị Bên A kiểm tra và tiếp nhận hàng hóa: Công ty ...
- 3.4 Số lượng và kế hoạch giao hàng:
a) Số lượng và kế hoạch giao hàng được qui định cụ thể tại từng Đơn đặt hàng (PO).
b) Công ty ... là đầu mối thay mặt bên A cung cấp kế hoạch nhận hàng hàng tháng và triển khai Đơn đặt hàng (PO). Đơn đặt hàng (P/O) gửi đến Bên B trước thời điểm cần nhận hàng 30 ngày.
c) Mọi thay đổi về kế hoạch giao hàng của PO sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng email ít nhất 07 ngày trước ngày nhập hàng.
d) Trường hợp có phát sinh tăng số lượng đặt hàng, Bên A sẽ triển khai đơn đặt hàng (PO) bổ sung cho Bên B kèm theo dự kiến về thời gian và số lượng nhận hàng, Bên B sẽ xem xét khả năng đáp ứng và phản hồi lại Bên A ngay sau khi nhận được PO bổ sung.

Điều 4. Thanh toán

- 4.1 Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam – VNĐ.
- 4.2 Điều kiện thanh toán: Sau khi Bên A nhận được đủ bộ chứng từ thanh toán của Bên B, bao gồm:
a) Hóa đơn tài chính của Bên A;
b) Phiếu giao nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên;
- 4.3 Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản, trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán của Bên B
- 4.4 Đơn vị Bên A thực hiện thủ tục thanh toán:

4.5 Thông tin tài khoản:

Bên A:

- Số tài khoản:
- Tại Ngân hàng ...
- Địa chỉ: ...
- Mã số thuế:

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

- Tài khoản số: 0011000015434.
- Tại ngân hàng: Sở giao dịch Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.
- Mã số thuế: 0100107934

[Điều 5. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng:

- 5.1 Bên B nộp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A không muộn hơn 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực như sau:
- a) Hình thức bảo đảm: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
 - b) Giá trị bảo đảm: VNĐ, tương đương ...% tổng giá trị dự kiến của Hợp đồng.
 - c) Hiệu lực: Kể từ ngày phát hành của Thư bảo lãnh cho đến hết ngày
- 5.2 Thời hạn hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Bên A sẽ hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận lô hàng cuối cùng của Hợp đồng.
- 5.3 Trong trường hợp gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên B phải gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng với thời gian tương ứng.
- 5.4 Bên B không được hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:
- a) Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
 - b) Bên B không hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định trong Hợp đồng;
 - c) Bên B thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.]

Điều 6. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các Bên

6.1 Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên A:

- a) Triển khai Đơn đặt hàng (PO) cho Bên B về yêu cầu mua hàng hóa theo mẫu Đơn đặt hàng tại Phụ lục gửi kèm.
- b) Thực hiện gọi nhập hàng trước ngày cần nhập hàng tối thiểu 10 ngày;
- c) Thanh toán theo đúng quy định tại Điều 4 của Hợp đồng;
- d) Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng;
- e) Bên A có thể ủy quyền cho người khác thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình được quy định tại Hợp đồng, sau khi có thông báo bằng văn bản cho Bên B và có thể thay đổi, hủy bỏ việc ủy quyền của mình sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên B.

6.2 Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên B:

- a) Cung cấp cho Bên A hàng hóa theo các Đơn đặt hàng (PO) của Bên A.
- b) Cung cấp hàng hóa theo đúng quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng;
- c) Giao hàng đúng số lượng, thời gian theo kế hoạch giao hàng qui định tại Đơn đặt hàng (PO) hoặc theo yêu cầu thực tế của Bên A trên cơ sở thống nhất giữa hai Bên;
- d) Bên B chịu trách nhiệm pháp lý trước Bên A về các vấn đề liên quan đến nguồn gốc sản phẩm, điều kiện sản xuất, quy cách, chất lượng sản phẩm và việc sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn do các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam qui định.
- e) Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Hợp đồng và Đơn đặt hàng (PO);

Điều 7. Kiểm tra hàng hoá

- 7.1 Việc kiểm tra quy cách và chất lượng hàng hóa quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này được thực hiện bởi đại diện Bên A hoặc Bên thứ ba do Bên A chỉ định.
- 7.2 Trường hợp Bên B không chấp nhận kết quả kiểm tra của Bên A, Bên B sẽ chịu trách nhiệm mời Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol thực hiện giám định và xác định quy cách chất lượng của hàng hóa và chịu chi phí giám định này.
- 7.3 Bên A có quyền tiến hành kiểm tra giám định (vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hóa) ... tối đa 3 lần/ năm trên cơ sở sản phẩm Bên A lấy mẫu ngẫu nhiên trong số hàng hóa của Hợp đồng này tại các kho của Bên A và / hoặc tại cơ sở sản xuất của Bên B. Chi phí kiểm tra giám định do Bên B chịu nếu phát hiện vi phạm Hợp đồng.

Điều 8. Bản quyền nhãn hiệu của hàng hoá và nhãn hiệu của bên A

- 8.1 Bên B chỉ được sử dụng nhãn hiệu ... (của bên A) trên các sản phẩm cung ứng cho Bên A theo Hợp đồng.
- 8.2 Bên B cam kết chỉ thể hiện các nội dung, thông tin theo yêu cầu của Bên A trên sản phẩm cung ứng theo Hợp đồng.
- 8.3 Bên B cam kết chỉ sử dụng thiết kế hàng hóa của Hợp đồng này cho các sản phẩm do Bên A yêu cầu cung cấp, không cung cấp sản phẩm của Hợp đồng (kể cả sản phẩm bị lỗi, không đủ tiêu chuẩn, sản xuất thừa số lượng ...) cho bất kỳ tổ chức, các nhân nào dưới bất kỳ hình thức nào (kinh doanh, biếu, tặng, hỗ trợ ...) trừ trường hợp được sự cho phép bằng văn bản của Bên A.

Điều 9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 10, phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của các trường hợp vi phạm đến Bên A, phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại được thực hiện theo qui định cụ thể như sau:

- 9.1 Trường hợp Bên B không thực hiện giao hàng theo kế hoạch giao hàng quy định tại Hợp đồng và/hoặc Đơn đặt hàng (PO), Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tương ứng với tối đa ...% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi tuần giao hàng chậm. Tổng tiền phạt tương ứng với tối đa 8% giá trị dự kiến của Đơn hàng (PO) bị vi phạm. Nếu quá 4 tuần mà Bên B vẫn chưa giao được hàng theo đúng yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và có quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng với Bên B. Ngoài ra, Bên B chịu mọi chi phí phát sinh do không giao được hàng theo yêu cầu của Bên A.

- 9.2 Trường hợp Bên B giao hàng không đủ số lượng theo yêu cầu của Đơn đặt hàng (PO) thì Bên A thực hiện nhận số lượng đã giao và xác định thời gian để Bên B giao tiếp phần còn thiếu; mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu.
- Trường hợp Bên B không giao đủ hàng còn thiếu trong thời hạn được Bên A gia hạn, Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tương ứng với tối đa 8% giá trị dự kiến của Đơn đặt hàng (PO) bị vi phạm. Nếu quá 4 tuần mà Bên B vẫn chưa giao được hàng theo đúng yêu cầu của Bên A, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và có quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng với Bên B. Ngoài ra, Bên B chịu mọi chi phí phát sinh do không giao được hàng theo yêu cầu của Bên A.
- 9.3 Tại thời điểm nhận hàng và trong quá trình hàng hóa lưu tại kho của Bên A (trong điều kiện bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất) cũng như trong quá trình sử dụng, nếu Bên A phát hiện hàng hóa bị lỗi (sản phẩm bị sai qui cách, bị biến chất, không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu qui định tại Hợp đồng) thì Bên A có quyền trả lại hàng hóa bị lỗi.
- Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý lỗi (kiểm tra toàn bộ hàng hóa tồn kho, thu hồi sản phẩm lỗi, đổi lại hàng hóa đáp ứng yêu cầu về quy cách, chất lượng sản phẩm ...) để đảm bảo hàng hóa cung cấp cho Bên A theo đúng điều kiện Hợp đồng về quy cách, chất lượng sản phẩm, số lượng và thời hạn giao hàng. Bên B chịu mọi chi phí phát sinh khi thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý lỗi.
- Bên A có quyền phạt Bên B một khoản tiền phạt tối đa đến 8% giá trị lô hàng bị lỗi hoặc lô hàng có ngày giao hàng gần nhất với thời điểm phát hiện hàng hóa bị lỗi (trong trường hợp phát hiện lỗi vi phạm trong quá trình sử dụng).
- 9.4 Trường hợp Bên B (sau khi đã ký Hợp đồng) chuyển một phần hay toàn bộ Hợp đồng cho pháp nhân khác thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải chịu phạt tối đa đến 8% giá trị dự kiến của Hợp đồng (giá trị dự kiến của Hợp đồng là ... đồng)
- 9.5 Trường hợp Bên B vi phạm điều kiện Hợp đồng quy định tại các Khoản 9.1, 9.2, 9.3 và 9.4 dẫn đến việc Bên A phải sử dụng loại hàng hóa khác thay thế để đảm bảo an toàn cung ứng cho Bên A, Bên B có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí phát sinh này. Để làm rõ, ngoài việc Bên B phải chịu các khoản phạt vi phạm Hợp đồng quy định tại các Khoản 9.1, 9.2, 9.3 và 9.4 nói trên, Bên B có trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại phát sinh thực tế cho Bên A do lỗi vi phạm Hợp đồng của Bên B
- 9.6 Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho bên B, Bên B có quyền yêu cầu Bên A trả tiền lãi trên số tiền trả chậm đó vào lần thanh toán kế tiếp của Bên A. Lãi suất chậm trả tính theo lãi suất nợ quá hạn công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác nhưng không vượt quá 8% giá trị dự kiến của Đơn đặt hàng (P/O) bị vi phạm.
- 9.7 Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ chi phí, thiệt hại thực tế phát sinh do việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.
- 9.8 Các khoản phạt nêu trên sẽ được khấu trừ vào khoản thanh toán của Đơn đặt hàng (PO). Riêng khoản bồi thường thiệt hại Hợp đồng (nếu có), Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Bên A tổng hợp giá trị thiệt hại và thông báo cho Bên B.

0793
G T Y
H A N H
I A P K H
K H O N
N - T P

Điều 10. Bất khả kháng

- 10.1 Bất khả kháng được hiểu là sự kiện ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp như chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và sự thay đổi chính sách hay sự thay đổi quy định của cơ quan có thẩm quyền.
- 10.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc vi phạm Hợp đồng.
- 10.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 10.4 Bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt vi phạm Hợp đồng.
- 10.5 Trường hợp không tìm được giải pháp khắc phục, các Bên có quyền xem xét việc chấm dứt Hợp đồng.

Điều 11. Thủ tục giải quyết tranh chấp

- 11.1 Khi có phát sinh tranh chấp, hai Bên chủ động giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải.
- 11.2 Nếu thương lượng, hòa giải bất thành, tranh chấp sẽ được đưa lên Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- 12.1 Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo quy định tại Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
- 12.2 Một trong hai Bên bị giải thể hoặc phá sản hoặc bị rút giấy phép kinh doanh.
- 12.3 Một trong hai Bên được bên còn lại xác nhận việc không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng.

Điều 13. Loại Hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 14. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

- 14.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Bổ sung hàng hóa cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A;
 - b) Thay đổi địa điểm giao hàng, đơn vị thanh toán theo yêu cầu của Bên A;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A;
 - d) Theo thỏa thuận của hai Bên.
- 14.2 Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng.

- 14.3 Trong trường hợp Bên A muốn gia hạn hiệu lực của Hợp đồng, Bên A sẽ gửi thông báo gia hạn Hợp đồng cho Bên B tối thiểu 05 ngày trước thời điểm Hợp đồng hết hiệu lực dưới hình thức Phụ lục hợp đồng để hai Bên cùng ký kết.

Điều 15. Hiệu lực và thời gian thực hiện Hợp đồng

- 15.1 Hợp đồng có hiệu lực khi đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký Hợp đồng.
15.2 Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày [ngày hiệu lực].
15.3 Thời gian thực hiện Hợp đồng: Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Điều 16. Thanh lý Hợp đồng

Hợp đồng được tự động thanh lý khi các Bên hoàn thành các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng.

Điều 17. Điều khoản chung

- 17.1 Mọi sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có chữ ký, đóng dấu của hai Bên.
17.2 Các Phụ lục Hợp đồng và các Đơn đặt hàng (PO) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
17.3 Hợp đồng này được làm thành 03 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản. Ngoài ra, Hợp đồng này có thể được sao chụp thành nhiều bản chính có giá trị như nhau theo yêu cầu sử dụng của các Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





Dự thảo

HỢP ĐỒNG

V/v: Cung cấp trang thiết bị mặt đất sân bay

(Kèm theo Báo cáo số: 1151 /2026/BC-HĐQT-XNK, ngày 16/4 /2026)

....., ngày ____/____/2026

Hợp đồng số: _____.

Gói thầu: _____.

Thuộc dự án: _____.

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số: ____/BB-TTHĐ ngày ____/____/2026;
- Căn cứ Quyết định số ____/QĐ..... ngày ____/____/2026 của _____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “_____” thuộc dự án: “_____”;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2026 tại Văn phòng _____, chúng tôi gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____.

Địa chỉ: _____.

Tel: _____

Fax: _____.

Tài khoản VNĐ: _____.

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: _____.

Đại diện là ông: _____ – Chức vụ: _____.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: +84-24-38271939

Fax: +84-24-38271925

Tài khoản VNĐ: 116000183516 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: 0100107934.

Đại diện là ông: _____ – Chức vụ: _____.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ được nêu chi tiết tại phần phạm vi cung cấp trong Phụ lục hợp đồng số _____.

- Tên hàng: _____ (sau đây còn được gọi là “hàng/hàng hóa/thiết bị”);
- Chất lượng: _____ cung cấp theo hợp đồng này phải là thiết bị hoàn chỉnh, đồng bộ và mới 100%, chưa qua sử dụng; được nhiệt đới hóa, không bị khuyết tật và phải được tra dầu mỡ đầy đủ để có thể sẵn sàng khởi động đưa vào vận hành khai thác ngay. Thiết bị khi vận hành phải đảm bảo đạt được hết các yêu cầu và thông số kỹ thuật quy định trong E-HSMT, E-HSDT, các tài liệu của hợp đồng và các điều khoản khác của hợp đồng để đáp ứng đúng mục đích sử dụng của Bên A;
- Hãng sản xuất - Xuất xứ của thiết bị: _____;
- Năm sản xuất: _____;
- Số lượng: _____ cùng các phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật đi kèm.
- * Chi tiết về chủng loại, model, quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật của thiết bị được nêu trong thành phần hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- 2.1 Văn bản hợp đồng;
- 2.2 Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- 2.3 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.4 E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu;
- 2.5 E-HSMT;
- 2.6 Các tài liệu của hợp đồng gồm:
 - Phụ lục hợp đồng số _____: Bảng giá và phạm vi cung cấp; Bảng cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của nhà thầu; Tài liệu kỹ thuật giới thiệu quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật của _____; Thông tin xuất hóa đơn; Danh mục phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất kèm theo mỗi _____.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- 3.1 Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này, cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- 3.2 Cử người tiếp nhận hàng tại kho của Bên A theo quy định hợp đồng;
- 3.3 Giám sát Bên B thực hiện việc lắp ráp (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh, nghiệm thu kỹ thuật thiết bị tại hiện trường;
- 3.4 Cử nhân viên tham gia hướng dẫn sử dụng tại hiện trường;

3.5 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- 4.1 Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ đi kèm như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng này;
- 4.2 Cung cấp hàng hóa tại kho của bên A theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng, đảm bảo đúng thời hạn, đúng số lượng, chủng loại, model, xuất xứ, chất lượng và thông số kỹ thuật như hợp đồng quy định;
- 4.3 Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ và tài liệu kèm theo thiết bị như hợp đồng quy định;
- 4.4 Thực hiện việc lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh (nếu có), nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đảm bảo đúng thời gian và yêu cầu kỹ thuật quy định trong hợp đồng;
- 4.5 Tổ chức hướng dẫn sử dụng tại hiện trường theo quy định của hợp đồng;
- 4.6 Bảo hành thiết bị theo quy định của hợp đồng;
- 4.7 Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng, phương thức thanh toán và thông tin xuất hóa đơn

5.1 Giá hợp đồng:

Tổng trị giá hợp đồng là: _____ (**Bảng chữ:** _____), giá này là giá trọn gói cung cấp _____ cùng các phụ kiện, vật tư dự phòng và bộ đồ nghề tiêu chuẩn của nhà sản xuất, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật đi kèm giao tại kho của đơn vị sử dụng của Bên A tại _____ đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước và tất cả các chi phí khác có liên quan.

* Chi tiết như nêu trong phụ lục số _____ của hợp đồng.

Hợp đồng này là hợp đồng trọn gói. Trị giá của hợp đồng là cố định và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, bên A sẽ không phải trả bất cứ một khoản chi phí nào khác cho bên B trừ khi có thỏa thuận đồng ý bằng văn bản của cả hai bên.

5.2 Phương thức tạm ứng và thanh toán:

Bên A tạm ứng và thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như sau:

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng% tổng trị giá hợp đồng (_____ VND - **Bảng chữ:** _____) cho Bên B trong vòng ngày làm việc sau khi hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ tạm ứng hợp lệ như sau:
 - + Văn bản đề nghị tạm ứng do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị tạm ứng);
 - + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản chụp có sao y của Bên B;
 - + Bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 của hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản chụp có sao y của Bên B.
- Thanh toán tối đa 02 đợt như sau:
 - + Đợt 1: Bên A thanh toán% giá trị hợp đồng sau khi Bên A thu hồi toàn

bộ 100% giá trị tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc sau khi các bên liên quan ký Biên bản giao nhận hàng và Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa đưa vào sử dụng và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán);
 - Hóa đơn GTGT của Bên B gồm: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/ Đơn vị sử dụng ;
 - Vận đơn, packing list và tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị: 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Giấy chứng nhận chất lượng và năm sản xuất của các thiết bị do hãng sản xuất cấp: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Giấy chứng nhận xuất xứ của các thiết bị do Phòng Thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (có ghi nơi sản xuất thiết bị): 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp (Nếu quy định hiện hành của Nhà nước có yêu cầu): 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
 - Biên bản giao nhận hàng: 06 bản gốc/Cảng hàng không;
 - Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng: 06 bản gốc/Cảng hàng không;
 - Bảo lãnh bảo hành: 01 bản gốc và 03 bản chụp có sao y của Bên B.
- + Đợt 2: Bên A thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng sau khi khấu trừ các khoản phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại (nếu có) trong vòng ngày làm việc sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng và Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:
- Văn bản đề nghị thanh toán do đại diện có thẩm quyền của Bên B ký (có ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán);
 - Biên bản thanh lý hợp đồng: 06 bản gốc.

5.3 Thông tin xuất hóa đơn:

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn trực tiếp cho các đơn vị sử dụng của Bên A là _____ theo số lượng thiết bị cung cấp cho mỗi đơn vị sử dụng (Chi tiết về thông tin xuất hóa đơn được nêu tại Mục “Thông tin xuất hóa đơn” trong Phụ lục số _____ của hợp đồng).

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

- 6.1 Tổng thời gian Bên B thực hiện các công việc theo quy định hợp đồng: là _____ ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, Tết và ngày nghỉ; nhưng không bao gồm thời gian chờ Bên A bố trí kho bãi, địa điểm tiếp nhận thiết bị, bàn giao mặt bằng lắp đặt; thời gian kiểm tra, chấp thuận, phê duyệt/chấp thuận đối với các nội dung cần được Bên A phê duyệt/chấp thuận theo quy định của Hợp đồng hoặc các thời gian bị trì hoãn khác theo yêu cầu của Bên A; các trường hợp bất khả kháng; thời gian bảo hành), thời gian này bao gồm tất cả các khoảng thời gian cần thiết để Bên B thực hiện các công việc theo quy định của Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn thời gian cần thiết để hoàn thành việc nhập khẩu, thông quan, kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, lưu

kho/bãi, vận chuyển, bốc/dỡ và bàn giao hàng hóa đến hiện trường tại các địa điểm giao hàng theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng; lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh, nghiệm thu kỹ thuật thiết bị, hướng dẫn sử dụng tại hiện trường, v.v...

- 6.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu Bên A xem xét gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nếu Bên B chứng minh rằng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ bị chậm trễ do một hoặc nhiều lý do sau đây:
- a) Tạm ngưng thực hiện hợp đồng theo quyết định của Bên A;
 - b) Bất khả kháng theo quy định của Hợp đồng;
 - c) Do bất kỳ hành động hoặc thiếu sót nào của Bên A, nhân sự hoặc nhà thầu khác mà Bên A chịu trách nhiệm;
 - d) Các trường hợp cho phép gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác được quy định cụ thể theo Hợp đồng này.
- 6.3 Trường hợp Bên B không được gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 6.2 Điều này, Bên B, bằng chi phí của mình, phải ngay lập tức bắt đầu và thực hiện tất cả các bước cần thiết để khắc phục sự chậm trễ đảm bảo đúng thời gian thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành

7.1 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

7.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng

7.3 Bảo lãnh bảo hành

Điều 8. Giao hàng, lắp ráp, chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh; nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng; hướng dẫn sử dụng và thanh lý hợp đồng

8.1 Giao hàng:

Mặc cho trường hợp không có ghi chú đầy đủ từng chi tiết về qui cách kỹ thuật, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được giao hoàn chỉnh, đồng bộ và mới 100%, được trang bị đầy đủ các bộ phận, phụ kiện mà thông thường các nhà sản xuất phải cung cấp theo tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực thiết bị loại này.

Bên B chịu trách nhiệm giao toàn bộ hàng hóa cung cấp theo hợp đồng đến kho của Bên A tại _____.

Các chứng từ, tài liệu kèm theo hàng gồm:

- Vận đơn, packing list và tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị: 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận chất lượng và năm sản xuất của các thiết bị do hãng sản xuất cấp: 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận xuất xứ của các thiết bị do Phòng Thương mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp (có ghi nơi sản xuất thiết bị): 01 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp (Nếu quy định hiện hành của Nhà nước có yêu cầu): 04 bản chụp có sao y của Bên B/thiết bị;
- Tài liệu kỹ thuật kèm theo mỗi thiết bị gồm: Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo

trị/sửa chữa; Tài liệu tra cứu các phụ tùng: 01 bộ (mỗi bộ gồm 01 bản gốc và 02 bản copy kèm 03 USB chứa bản soft copy tài liệu kỹ thuật).

Trước ngày giao hàng ít nhất là 05 ngày, Bên B phải có văn bản thông báo về kế hoạch giao hàng cùng những thông tin cần lưu ý khác (nếu có) để Bên A chuẩn bị kiểm tra và nhận hàng.

Khi giao hàng Bên B phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa để Bên A làm cơ sở kiểm tra và nhận hàng. Trường hợp chứng từ, tài liệu yêu cầu kèm theo hàng hóa là bản chụp thì bên B phải cung cấp bản chính để đối chiếu (trừ Tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị, Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các thiết bị nhập khẩu của Cục Đăng Kiểm Việt Nam cấp). Biên bản giao nhận hàng sẽ được ký sau khi các bên kiểm tra đầy đủ hàng hóa cùng các hồ sơ và tài liệu kèm theo đúng theo yêu cầu của hợp đồng.

Bên A có quyền từ chối ký Biên bản giao nhận hàng trong trường hợp hàng hóa không đúng số lượng, chủng loại, model, xuất xứ, ... hoặc thiết bị không đạt yêu cầu về chất lượng, hoặc chứng từ không đầy đủ, không đúng như hợp đồng quy định.

8.2 Lắp ráp (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh:

Ngay sau khi giao hàng đến kho của Bên A theo quy định tại Khoản 8.1 Điều này, Bên B có trách nhiệm cử chuyên gia của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên B (có chứng chỉ của nhà sản xuất) đến hiện trường tại _____ để tiến hành lắp ráp hoàn chỉnh (nếu có), chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật của thiết bị (nếu có) tại từng hiện trường.

Sau khi lắp ráp xong, Bên B sẽ tiến hành chạy thử, kiểm tra, nếu các thông số kỹ thuật của thiết bị một phần hoặc hoàn toàn không đạt yêu cầu của hợp đồng, thì Bên B phải thực hiện việc hiệu chỉnh và/hoặc thay thế bằng chi phí của mình để thiết bị đạt được các thông số kỹ thuật như hợp đồng quy định trong thời gian sớm nhất có thể. Thời gian khắc phục hoặc đổi thiết bị không được loại trừ khỏi tổng thời gian thực hiện hợp đồng.

8.3 Hướng dẫn sử dụng:

Bên B có trách nhiệm cử chuyên gia của nhà sản xuất hoặc cán bộ kỹ thuật của Bên B (có chứng chỉ được phép huấn luyện của nhà sản xuất) đến hiện trường tại _____ để thực hiện việc hướng dẫn sử dụng cho các nhân viên của đơn vị sử dụng về vận hành, bảo trì và xử lý sự cố thiết bị trong thời gian tối thiểu ____ ngày làm việc tại đơn vị sử dụng. Yêu cầu phải có chương trình hướng dẫn cụ thể, chi tiết và đầy đủ tài liệu kỹ thuật thiết bị phục vụ cho công tác hướng dẫn sử dụng. Bên B phải chịu trách nhiệm về những rủi ro mà nhân viên tham dự khóa hướng dẫn sử dụng có thể gây ra đối với thiết bị nếu chương trình đào tạo của Bên B không phù hợp.

Mọi chi phí đi lại, ăn ở, vé máy bay khứ hồi, bảo hiểm, v.v... cho chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của Bên B trong thời gian làm việc tại hiện trường do Bên B chi trả;

Sau khi hoàn thành hướng dẫn sử dụng, Bên B phải đảm bảo các học viên của Bên A có thể vận hành, bảo trì, xử lý sự cố thiết bị một cách thành thạo và có Biên bản kết quả hướng dẫn sử dụng, đồng thời bên B cấp giấy chứng nhận huấn luyện của hãng sản xuất thiết bị cho các nhân viên tham gia khóa huấn luyện.

8.4 Nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng:

Sau khi Bên B hoàn thành việc chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị (nếu có) và hoàn tất việc hướng dẫn sử dụng, các bên sẽ cùng tiến hành nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng trên cơ sở hợp đồng hai bên ký kết. Đại diện các bên sẽ lập và ký Biên bản

nghiệm thu kỹ thuật thiết bị bàn giao đưa vào sử dụng để xác nhận chất lượng, các thông số kỹ thuật của thiết bị và việc hướng dẫn sử dụng đúng theo quy định tại hợp đồng.

8.5 Thanh lý hợp đồng:

Sau khi ký các Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng của tất cả các thiết bị cung cấp theo hợp đồng và Bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành hợp lệ thì hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 9. Bảo hành

- 9.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành _____ tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại hiện trường tại đơn vị sử dụng cho tất cả các hàng hoá cung cấp theo hợp đồng này kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật thiết bị đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian thiết bị hư hỏng không hoạt động được do lỗi của nhà sản xuất hoặc chưa nghiệm thu được do lỗi thuộc về phía Bên B gây ra.
- 9.2 Trong thời gian bảo hành nếu thiết bị xảy ra sự cố hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định hoặc bất kỳ bộ phận nào của thiết bị bị hư hỏng hoặc có biểu hiện hư hỏng/khuyết tật bất kể lỗi của bên nào, thì Bên A sẽ thông báo ngay cho Bên B bằng điện thoại, fax hoặc e-mail; trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải cử chuyên gia/cán bộ kỹ thuật đến hiện trường để kiểm tra, xác nhận sự cố và tìm biện pháp khắc phục sự cố; thời gian khắc phục sự cố trong vòng từ 01 - 03 ngày kể từ ngày chuyên gia/cán bộ kỹ thuật đến hiện trường đối với những hư hỏng có thể khắc phục tại chỗ. Đối với những hư hỏng cần phải gửi các bộ phận, linh kiện từ Hãng sản xuất sang để thay thế hoặc gửi các bộ phận hư hỏng sang Hãng sản xuất kiểm tra, sửa chữa thì thời gian khắc phục sự cố là 07 - 14 ngày kể từ ngày Bên A thông báo hư hỏng. Bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu và các chi phí liên quan đến việc bảo hành này. Về phần lỗi, trách nhiệm có liên quan sẽ được 2 bên xác định cụ thể sau đó và chi phí liên quan sẽ do bên có lỗi chi trả.
- 9.3 Trong thời gian bảo hành Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa và/hoặc thay thế miễn phí mọi hư hỏng của thiết bị do lỗi sản xuất hoặc Bên B gây ra. Nếu hư hỏng được xác định là do lỗi của đơn vị sử dụng thì Bên A sẽ thanh toán các chi phí sửa chữa và/hoặc thay thế này.
- 9.4 Trường hợp Bên B không hoặc không kịp xử lý được các hư hỏng và khuyết tật trong thời hạn quy định tại Khoản 9.2 Điều này, Bên A, sau khi thông báo cho Bên B, có quyền tự lo sửa chữa, thay thế với mọi phí tổn do Bên B chịu mà vẫn không giải trừ cho Bên B những nghĩa vụ trong điều khoản bảo hành này. Số tiền thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục những sự cố này được Bên B hoàn trả lại bằng chuyển khoản cho Bên A đồng thời Bên A có quyền tước thu bảo lãnh bảo hành trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ bảo hành như trên.
- 9.5 Bên B cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế khi Bên A có yêu cầu trong thời gian ít nhất 10 năm sau ngày hết hạn bảo hành với chi phí do Bên A chi trả.

Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng

- 10.1 Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng, nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì phải chịu phạt với mức phạt bằng 0,1% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày lịch vi phạm. Tuy nhiên tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Phạt vi phạm hợp đồng được áp dụng trong trường hợp sau:

- Bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng (căn cứ kết quả nêu tại Biên bản thanh lý hợp đồng);
- Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng;
- Bên B thực hiện không đúng một phần hay toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng (bao gồm nhưng không giới hạn các vi phạm: giao hàng không đầy đủ; không đúng chủng loại, model, xuất xứ, quy cách, tính năng và thông số kỹ thuật, chất lượng như hợp đồng quy định dẫn đến phải chờ xử lý, giải quyết hoặc chờ đổi hàng mới làm kéo dài thời gian giao hàng hoặc chứng từ và tài liệu cung cấp theo hàng không đúng, không đầy đủ như hợp đồng quy định; nghiệm thu kỹ thuật thiết bị không đạt yêu cầu của hợp đồng,... dẫn đến làm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng);
- Bên B vi phạm các nghĩa vụ bảo hành hoặc thực hiện nghĩa vụ bảo hành chậm hoặc chậm trễ giải quyết khiếu nại của bên A so với quy định hợp đồng.

- 10.2 Trường hợp khi Bên B có những sự việc, gây ảnh hưởng đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của mình, xảy ra nằm ngoài khả năng giải quyết hoặc kiểm soát của Bên B, thì Bên B phải kịp thời thông báo cho Bên A bằng văn bản. Bên A sẽ trả lời cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B. Việc phạt/miễn phạt hợp đồng sẽ do Bên A quyết định căn cứ trên các văn bản thông báo, đồng ý của hai bên.
- 10.3 Trường hợp bên B đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc tự ý hủy hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A, hoặc không thực hiện toàn bộ nội dung công việc, nghĩa vụ của mình theo quy định hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng) sẽ phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 8% tổng giá trị hợp đồng và phải bồi thường mọi tổn thất, thiệt hại phát sinh gây ra cho bên bị vi phạm (nếu có) bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của bên kia.
- 10.4 Nếu Bên A chậm thanh toán sẽ phải trả thêm khoản tiền theo lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 trên số tiền chậm thanh toán.
- 10.5 Việc thanh toán tiền phạt phải được thực hiện bằng chuyển khoản hoặc khấu trừ vào trị giá của hợp đồng khi Bên A thông báo cho Bên B. Tuy nhiên vẫn không giải trừ cho bên vi phạm khỏi những nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng.

Điều 11. Trường hợp bất khả kháng

- 11.1 Các bên sẽ được giải trừ trách nhiệm của mình về trường hợp không thi hành một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng nếu như việc không thi hành này gây ra bởi các sự kiện bất khả kháng.
- 11.2 Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của bên bị tình trạng bất khả kháng tác động và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh, bạo loạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận hoặc các trường hợp bất khả kháng khác.

- 11.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị tình trạng bất khả kháng tác động phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện bất khả kháng, thời điểm khởi đầu và kết thúc sự kiện bất khả kháng, đồng thời cung cấp cho bên kia hồ sơ xác nhận chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một cơ quan tổ chức có đầy đủ chức năng và thẩm quyền theo pháp luật tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị tình trạng bất khả kháng tác động vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.
- 11.4 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục 150 ngày, các Bên sẽ thỏa thuận trên tinh thần thiện chí nhằm giải quyết hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, trong trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài nói trên, Bên A bảo lưu quyền chấm dứt thực hiện Hợp đồng và áp dụng quy định tại Điều 12 của hợp đồng.

Điều 12. Chấm dứt hợp đồng

12.1 Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:

- Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình.
- Một trong các Bên bị giải thể hoặc phá sản.
- Chấm dứt hợp đồng do điều kiện bất khả kháng theo quy định hợp đồng.
- Một trong các bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo quy định của Hợp đồng.
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các bên.

12.2 Bên A có thể đơn phương chấm dứt toàn bộ hoặc một phần hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B giao hàng trễ hơn 150 ngày kể từ ngày hết thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này (kể cả trong trường hợp bất khả kháng).
- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng (trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng) trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
- Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba mà không được sự đồng ý của Bên A.

12.3 Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng

- Nếu Bên B thuộc vào các trường hợp quy định tại Khoản 12.2 Điều này (ngoại trừ trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng trễ hơn 150 ngày do sự kiện bất khả kháng), Bên A có quyền yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng thanh toán cho Bên A toàn bộ số tiền bảo lãnh. Ngoài ra, Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả số tiền phạt vi phạm theo quy định tại Điều 10 của hợp đồng và bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Bên B.
- Trong trường hợp Bên A chấm dứt một phần Hợp đồng, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B giá trị phần công việc thực hiện sau khi trừ đi giá trị tạm ứng.
- Nếu hợp đồng chấm dứt thuộc trường hợp bất khả kháng, các Bên sẽ thỏa thuận trên tinh thần thiện chí nhằm giải quyết các hậu quả khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

13.1 Xử lý tranh chấp:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề tranh chấp xảy ra hai bên sẽ trực tiếp thảo luận tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác.

Trong trường hợp thảo luận không đạt kết quả thì vấn đề sẽ được trình lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.

13.2 Trong quá trình giải quyết tranh chấp nêu trên, các Bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký kết nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào tạm ngưng hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng giữa các Bên.

Điều 14. Điều khoản chung

14.1 Các thành phần của hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng như nêu tại Điều 2 của hợp đồng cũng như các tài liệu khác được hai bên ký xác nhận và nêu trong hợp đồng này sẽ là bộ phận không tách rời của hợp đồng này.

14.2 Mọi thay đổi hoặc tu chỉnh đối với hợp đồng này phải được viết thành văn bản và do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu mới có giá trị hiệu lực.

14.3 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B; và hết hiệu lực theo quy định tại Điều 12 của hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập gồm 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 08 bản và Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP XNK Hàng không

Thời gian: 8h00, ngày 20 tháng 05 năm 2026.

Địa điểm tổ chức Đại hội: Phòng họp tầng 2 tòa nhà Airimex, số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

TT	Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
1	7h15 - 8h00	Đón tiếp cổ đông đăng ký danh sách, phát tài liệu, phát thẻ và phiếu biểu quyết.	Ban Tổ chức
2	8h00 - 8h05	Khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu.	Ban Tổ chức
3	8h05 - 8h10	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
4	8h10 - 8h20	Bầu Đoàn Chủ tịch: - Dự kiến số lượng để Đại hội thông qua. - Giới thiệu (dự kiến) danh sách để Đại hội thông qua. (Đại hội ghi thẻ biểu quyết thông qua)	Ban Tổ chức
		Bầu Ban Thư ký: - Dự kiến số lượng để Đại hội thông qua. - Giới thiệu (dự kiến) danh sách để Đại hội thông qua. (Đại hội ghi thẻ biểu quyết thông qua)	Đoàn Chủ tịch
		Bầu Ban Kiểm phiếu: - Dự kiến số lượng để Đại hội thông qua. - Giới thiệu (dự kiến) danh sách để Đại hội thông qua. (Đại hội ghi thẻ biểu quyết thông qua)	
5	8h20 - 8h30	Đoàn Chủ tịch thông qua: - Thông qua Chương trình ĐHCĐTN năm 2026 & phân công nhiệm vụ trong Đoàn Chủ tịch; - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. (Đại hội ghi thẻ biểu quyết thông qua)	Đoàn Chủ tịch
6	8h30 - 8h50	Báo cáo của HĐQT về: - Kết quả SXKD năm 2025, kế hoạch năm 2026 và các giải pháp thực hiện;	Đoàn Chủ tịch
		- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	Đoàn Chủ tịch
7	8h50 - 9h00	Báo cáo của Ban Kiểm soát về: - Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2025. - Phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty	Ban Kiểm soát

8	9h00 - 9h10	Báo cáo của HĐQT về Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025	Đoàn Chủ tịch
		Báo cáo của HĐQT về chi thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát: - Thực hiện năm 2025. - Kế hoạch năm 2026.	
9	9h10 - 9h15	Báo cáo của HĐQT V/v: Ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026	Đoàn Chủ tịch
10	9h15 - 9h45	Đại hội thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung từ mục 6 đến mục 9.	Đoàn Chủ tịch
11	9h45 - 9h50	Thông báo kết quả biểu quyết các nội dung từ mục 6 đến mục 9.	Ban Kiểm phiếu
12	9h50 - 10h20	Công tác bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031: 1. Báo cáo Đại hội thông qua: - Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS; - Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS. (Đại hội xem xét giơ thẻ biểu quyết thông qua) 2. Báo cáo Đại hội thông qua danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS và sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên. (Đại hội xem xét giơ thẻ biểu quyết thông qua)	Đoàn Chủ tịch
13	10h20 - 10h35	Đại hội tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031.	Ban Kiểm phiếu
14	10h35 - 10h50	Nghỉ giải lao	
15	10h50 - 11h55	Công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031.	Ban Kiểm phiếu
16	11h55 - 11h00	Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031. (Đại hội xem xét giơ thẻ biểu quyết thông qua)	Đoàn Chủ tịch
17	11h00 - 11h05	Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 ra mắt Đại hội.	
18	11h05 - 11h15	Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội; (Đại hội xem xét giơ thẻ biểu quyết thông qua)	Thư ký Đại hội
22	11h15	Bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức



Đào Khắc Hậu

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC

tại Đại hội ĐCĐTN năm 2026, Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không.

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. Trật tự của Đại hội:

1. Cổ đông tham dự Đại hội phải xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón, nhận tài liệu, thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết có ghi mã cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

2. Cổ đông và/hoặc người đại diện khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

3. Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông, giao tiếp hòa nhã, thân thiện.

4. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

II. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết trong đó ghi mã số đại biểu, họ và tên đại biểu, tổng số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

2. Cách biểu quyết:

2.1. **Đối với Thẻ biểu quyết:** Dùng để giao tay biểu quyết một số vấn đề thông thường như bầu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và thông qua: Quy chế làm việc, Chương trình Đại hội; Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, Biên bản, Nghị quyết Đại hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp giao Thẻ biểu quyết khi Ban tổ chức/Đoàn chủ tịch đề nghị biểu quyết: *Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến*. Trong lúc biểu quyết, cổ đông/người được ủy quyền dự họp ra ngoài được xem như đồng ý với nội dung cần biểu quyết.



2.2. Đối với **Phiếu biểu quyết**: Dùng để biểu quyết các nội dung quan trọng trình xin ý kiến Đại hội theo báo cáo, đề nghị của Đoàn chủ tịch và được thu vào thùng phiếu. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đánh dấu ✓ hoặc X vào **một** trong 3 ô cần biểu quyết: *Đồng ý*; *Không đồng ý*; *Không có ý kiến*. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc không bỏ phiếu vào thùng phiếu thì được xem là **Không có ý kiến**.

3. Thể lệ biểu quyết và các nội dung được biểu quyết thông qua:

a) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị phiếu bầu để biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 17/4/2026), tổng số cổ phần của Công ty là **3.111.283** (Ba triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm tám mươi ba) cổ phần phổ thông, tương đương **3.111.283** (Ba triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm tám mươi ba) phiếu bầu để biểu quyết.

b) Các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi có từ trên **50%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. Riêng các nội dung liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua khi được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

III. Thảo luận tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

a) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHĐCĐ;

b) Cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban kiểm phiếu;

c) Ban kiểm phiếu Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

2. Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông:

a) Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông do Ban kiểm phiếu tập hợp, sắp xếp và trình lên Đoàn chủ tịch, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

b) Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được pháp luật quy định, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết phục vụ nhu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

c) Ban Thư ký sẽ tập hợp các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, các câu hỏi không đủ thời gian trả lời tại Đại hội để trả lời bằng văn bản hoặc trực tiếp thông tin trên website của Công ty.

IV. Trách nhiệm của Chủ tọa:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình họp của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. Ban Thư ký:

1. Ban thư ký gồm 02 người do Chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội hoặc còn lưu ý tại Đại hội vào Biên bản họp Đại hội.

2. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Gồm 03 người do HĐQT quyết định, giúp chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội và tư cách cổ đông dự họp; báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

VII. Ban Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

4. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

5. Phát phiếu và thu phiếu bầu cử, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

6. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên:

Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

IX. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, TGD, BKS;
- Lưu VT, T/K Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đào Khắc Hậu



Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HĐQT
TRÌNH ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Về tình hình SXKD 2025, kế hoạch SXKD 2026 và các giải pháp thực hiện)**

I. Khái quát về tổ chức Công ty:

Công ty XNK Hàng không (Airimex) được thành lập theo Quyết định số 197/TCHK ngày 21 tháng 03 năm 1989 của Tổng cục HKDD VN, trụ sở của Công ty tại 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Năm 2005 Bộ Giao thông vận tải ra quyết định chuyển Công ty XNK Hàng Không, đơn vị thành viên của TCT HKVN thành Công ty cổ phần.

Ngày 18/05/2006 Công ty CP XNK Hàng Không đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần; Vốn điều lệ Công ty: 20 tỷ đồng.

Tháng 4/2009 vốn điều lệ của Công ty tăng lên là: 25.927.400.000 đồng .

Tháng 12/2021 vốn điều lệ của Công ty tăng lên là: 31.112.830.000 đồng

Đến ngày 31/12/2025, Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên, Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm 3 thành viên, Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Trong đó:

Ông Đào Khắc Hậu, giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty;

Ông Đinh Ngọc Tùng, giữ chức UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty;

Ông Nguyễn Tiến Dũng, giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Công ty.

II. Tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2025:

1. Tổng quan chung về môi trường kinh doanh:

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025.

Tỷ giá ngoại tệ diễn biến phức tạp và chịu tác động của thị trường quốc tế. Tỷ giá USD bình quân năm 2025 tăng 3,92% so với năm 2024.

Đối với ngành hàng không là mảng kinh doanh chính của Airimex: Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều biến động khó lường, đồng thời còn nhiều khó khăn liên quan đến việc sụt giảm đội tàu bay, tuy nhiên, hoạt động vận tải hàng không trong năm 2025 về cơ bản vẫn duy trì đảm bảo an toàn, tiếp tục tăng trưởng tốt về lượng khách và sản lượng vận chuyển hàng hoá, tác động tích cực đến lượng hàng XNK ủy thác, vận chuyển phụ tùng vật tư máy bay của Công ty.

Cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh bán hàng vẫn duy trì áp lực cao, nhiều đối thủ là công ty tư nhân, cơ chế tài chính mở có những cơ chế cạnh tranh gây khó khăn cho Airimex.

Trước những diễn biến thay đổi trên, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Airimex, HĐQT, Ban điều hành đã có những giải pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp để đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

HĐQT xin báo cáo với Đại hội một số lĩnh vực hoạt động chính của Công ty năm 2025 như sau:

2. Về kết quả kinh doanh năm 2025:

Bảng tổng hợp một số chỉ tiêu SXKD cơ bản thực hiện năm 2025

Đơn vị tính: Trđ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH 2025 so với KH 2025
1. Tổng doanh thu	275.162	296.432	107,73%
2. Tổng chi phí	268.558	288.772	107,53%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	6.604	7.660	115,99%
4. Tổng số lao động bình quân	87	85	97,70%
5. Tổng số lao động tại 31/12	87	85	97,70%
6. Tổng quỹ lương	25.494	27.784	108,98%
7. Thu nhập LĐ bình quân tháng	24,42	27,24	111,55%
8. Mức chia cổ tức dự kiến	10,0%	20,0%	200,00%
9. Tổng mức đầu tư (KL CVHT)	6.700	475	7,09%
10. Tổng mức đầu tư (Giá trị giải ngân)	6.700	475	7,09%

Đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh năm 2025:

- Về doanh thu: Tổng doanh thu đạt 296,43 tỷ đồng, bằng 107,73% KH ĐHCĐ thông qua, trong đó các mảng kinh doanh cụ thể:

+ Mảng doanh thu ủy thác xuất nhập khẩu phụ tùng vật tư (PTVT) máy bay và dịch vụ vận chuyển:

- XNK ủy thác PTVT được Công ty tiếp tục xác định là mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty, Công ty luôn chủ động bám sát thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ để làm tốt công tác XNK ủy thác PTVT máy bay, các trường hợp hàng AOG và hàng cứu tàu được thực hiện 24/7.

- Doanh thu từ phí ủy thác đạt 52,92 tỷ đồng bằng 119,35% KH ĐHCĐ;

- Doanh thu từ dịch vụ vận chuyển đạt 67,83 tỷ bằng 121,12% KH;

- Trong công tác giao nhận PTVT máy bay sửa chữa cho VNA, Công ty tiếp tục duy trì tổ chức khoa học, chất lượng dịch vụ tốt, đảm bảo định mức thời gian giao nhận hàng sửa chữa (kể cả hàng xuất và hàng nhập) là 1-2 ngày, điều này đã được VNA đánh giá cao.

+ Mạng doanh thu bán hàng:

- Doanh thu từ mảng kinh doanh thiết bị mặt đất, sân bay đạt 31,74 tỷ đồng tương đương bằng 40,69% KH.

- Doanh thu từ mảng kinh doanh dụng cụ, vật phẩm trên máy bay đạt 126,51 tỷ đồng tương ứng 156,81% KH.

+ Doanh thu cho thuê văn phòng đạt 13,84 tỷ bằng 94,28% KH ĐHCĐ. Thị trường cho thuê văn phòng sụt giảm do ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế và xu hướng thay đổi cách thức hoạt động của các doanh nghiệp hiện nay.

+ Doanh thu từ dịch vụ quản lý kho đạt 1,28 tỷ đồng, bằng 101,61% KH ĐHCĐ.

+ Doanh thu tài chính đạt 2,17 tỷ đồng bằng 1082,67% KH.

- Về chi phí: Tổng chi phí năm 2025 của Công ty là 288,77 tỷ đồng, bằng 107,53% KH ĐHCĐ thông qua.

- Về lợi nhuận: Vượt qua mọi khó khăn trong năm 2025 Airimex đạt được lợi nhuận là 7,66 tỷ đồng (tương ứng 115,99% KH ĐHCĐ thông qua).

- Về đầu tư: Năm 2025 Công ty đã hoàn thành giải ngân hạng mục Mua mới thang máy nhà B, giải ngân 475,2 triệu đồng (67,89% KH).

- Về nguồn nhân lực và chăm lo đến thu nhập của người lao động:

+ Lao động bình quân trong năm 2025 là 85 người, trong kế hoạch về lao động được ĐHCĐ thông qua, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Về quỹ lương năm 2025 Công ty bằng 27,78 tỷ đồng tương ứng 108,98% KH đã được ĐHCĐ thông qua.

- Về quyền lợi của Cổ đông:

Năm 2025, Công ty dự kiến chi trả cổ tức cho các cổ đông là 20,0%/ VDL bằng 200% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ năm 2025 thông qua.

- Công nợ phải thu khó đòi của Egroup/CMS: Công ty tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng 339 triệu đồng theo quy định hiện hành. Ban lãnh đạo Công ty cũng chỉ đạo Phòng TCHC, Ban Quản lý tòa nhà tiếp tục theo sát CMS để thu hồi được khoản công nợ này.

3. Về vấn đề tổ chức, nhân sự của Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giữ nguyên cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát như Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đã thông qua.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị;

+ Ban kiểm soát;

+ Tổng giám đốc điều hành;

+ Các đơn vị trực thuộc, gồm: Phòng Xuất nhập khẩu 2; Phòng Xuất nhập khẩu 3; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kinh doanh và Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

- Về công tác cán bộ: HĐQT và Tổng giám đốc Công ty theo thẩm quyền đã điều chuyển, bổ nhiệm một số cán bộ đảm bảo đúng quy định, đúng theo phân cấp quản lý.

- Công ty cơ bản đã ổn định tổ chức, cán bộ; rà soát, sắp xếp phân công bố trí công việc tới từng người lao động một cách phù hợp và khoa học; Tiếp tục thực hiện trả lương cho người lao động theo chức danh công việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc.

4. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua ngày 12/06/2025 đã được HĐQT, Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 như phương án đã được ĐHĐCĐTN năm 2025 thông qua.

- Công ty đã hoàn thành việc chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

- Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty: Trình độ quản lý, điều hành và chất lượng lao động tại đơn vị được nâng cao; sử dụng và phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên. Có sự phối kết hợp, trao đổi về nghiệp vụ và dữ liệu thông tin thường xuyên giữa các Phòng, Chi nhánh trong Công ty.

- Về quy chế, quy định: Rà soát các quy chế quy định cho phù hợp với thực tế, đúng quy định để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về lao động: Kiểm soát số lượng lao động trong kế hoạch được thông qua, sử dụng lao động hiệu quả, nâng cao chất lượng lao động do đó năng suất lao động tăng.

- Về tiền lương: Đảm bảo tiền lương thu nhập, đời sống của người lao động ổn định, người lao động yên tâm làm việc.

Như vậy, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty đã được HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Năm 2025, chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty đạt vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Một số các chỉ tiêu về doanh thu như doanh thu uỷ thác, doanh thu vận chuyển vượt kế hoạch đã đề ra. Đó là thành tích rất đáng khích lệ trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn gặp nhiều thách thức.

5. Về thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT trong kỳ

5.1. Về thù lao HĐQT:

Công ty đã thực hiện chi thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2025 đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2025. Tổng thù lao đã chi cả năm 2025: 333.480.000 đồng.

5.2. Về chi phí hoạt động khác của HĐQT:

- Chi phí lương HĐQT năm 2025: 1,88 tỷ đồng (bao gồm lương Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc). Kế hoạch lương HĐQT năm 2026 đề xuất tăng 2,1% so với mức lương HĐQT thực hiện năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Công tác phí, chi phí tiếp khách và các chi phí khác cho HĐQT: được hạch toán vào chi phí chung của Công ty.

6. Về Tổng kết các cuộc họp HĐQT, các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

Trong năm 2025 HĐQT đã thực hiện họp 4 phiên và 21 lần lấy ý kiến theo đúng quy định của pháp luật và Công ty, các nghị quyết, quyết định được đưa ra cụ thể theo Phụ lục tổng hợp Nghị quyết của HĐQT Công ty năm 2025 đính kèm.

7. Kết quả giám sát TGD & người điều hành khác trong kỳ:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- + HĐQT thông qua kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.
- + Phê duyệt các nội dung trình ĐHCĐTN năm 2025 của Công ty.
- + Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024.
- + Chỉ đạo bám sát kế hoạch SXKD của Công ty đề ra. Thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình SXKD.
- + Ban Tổng giám đốc gửi báo cáo kết quả SXKD định kỳ hàng quý cho HĐQT, thông qua các cuộc họp HĐQT đề ra phương hướng trong thời gian tới.
- + HĐQT phối hợp cùng Ban Kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý, điều hành của Công ty.
- + HĐQT giám sát và hỗ trợ việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.

III. Kế hoạch SXKD năm 2026 và một số giải pháp tổ chức thực hiện:

1. Thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi:**

+ VNA là cổ đông lớn của Airimex do đó công ty nhận được sự quan tâm của VNA, được lựa chọn sau đấu thầu là đơn vị cung cấp dịch vụ UTNK phụ tùng máy bay và dịch vụ vận chuyển.

+ Công ty duy trì nguồn hàng có chất lượng giá cả hợp lý để tham gia các gói thầu; nội bộ công ty đoàn kết, nỗ lực cùng nhau phấn đấu; đội ngũ nhân sự có kỹ năng, nghiệp vụ tốt, năng động, nhiệt tình trong công việc; Lãnh đạo Công ty quan tâm, hỗ trợ sát sao trong mọi mặt.

+ Được sự ủng hộ của HĐQT và các Ban ngành trong TCT HKVN; có mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan hữu quan.

+ Từ cuối năm 2025, đầu tư của Nhà nước vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các dự án đầu tư của các đơn vị cho các sân bay (Long Thành, Phú Quốc...) cũng là điều kiện thuận lợi cho Airimex phát triển hoạt động kinh doanh.

*** Khó khăn:**

- Đối với mảng ủy thác: tình trạng thiếu tàu bay khai thác, khó khăn trong nguồn cung ứng thiết bị, vật tư tàu bay, ảnh hưởng đến lượng hàng XNK ủy thác.

793.
G T
PHÂN
HẬP
G KH
IÊN

- Đối với mảng vận chuyển: Cạnh tranh gay gắt; xung đột và chiến tranh đặc biệt là xung đột tại khu vực Trung Đông làm tăng giá nhiên liệu, kéo dài thời gian vận chuyển và đẩy cao cước phí.

- Đối với mảng bán hàng:

+ Mảng kinh doanh trang thiết bị mặt đất: Thị trường thiết bị mặt đất sân bay tiếp tục duy trì áp lực cạnh tranh cao. Hoạt động tìm kiếm và mở rộng khách hàng mới nhìn chung còn gặp nhiều thách thức, doanh nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào nhóm khách hàng truyền thống (ACV, SAGS...). Do ảnh hưởng bởi xung đột tại Trung Đông, các chủ đầu tư gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh cũng thực hiện các biện pháp giảm chi phí, trì hoãn, giãn tiến độ, giảm nhu cầu đầu tư ảnh hưởng đến doanh thu của mảng kinh doanh này. Ngoài ra, giá nhiên liệu tăng, biến động tỷ giá cùng với thời gian giao hàng kéo dài, chi phí vận chuyển quốc tế tăng cũng khiến lợi nhuận suy giảm so với kế hoạch.

+ Mảng kinh doanh dụng cụ, vật phẩm trên máy bay: Giá cả nguyên vật liệu, chi phí sản xuất các loại hàng hóa tăng, tỷ giá ngoại hối tăng khiến cho giá cả và các loại chi phí liên quan đến mua hàng tăng mạnh trong khi giá bán không tăng; điều này làm suy giảm nghiêm trọng khả năng trúng thầu của Công ty. Công ty đã phải cắt giảm tỷ suất lợi nhuận để tăng tính cạnh tranh trong các gói thầu. Đồng thời giá nhiên liệu tăng, khan hiếm nhiên liệu khiến các hãng bay có xu hướng cắt giảm các đường bay, giảm chi phí vận hành và có thể giảm tiêu chuẩn phục vụ trên máy bay dẫn đến giảm sản lượng khai thác cũng như giảm nhu cầu về dụng cụ, vật phẩm sử dụng trên máy bay.

- Mảng cho thuê văn phòng: Chi phí hoạt động, giá cả các mặt hàng tăng cao làm các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, nhiều khách hàng thuê của Công ty đã đề nghị trả bớt mặt bằng thuê, đề nghị giảm giá thuê để giảm bớt chi phí, duy trì hoạt động kinh doanh; đồng thời việc tìm kiếm khách hàng thuê trong bối cảnh kinh tế suy thoái cũng rất khó khăn. Đến hiện tại diện tích văn phòng còn trống của Công ty tại tầng 3, 4 nhà A vẫn chưa có khách hàng thuê. Các tòa nhà A, B, C của Công ty có nhiều hạng mục đã bị hư hỏng, xuống cấp cần phải cải tạo sửa chữa để nâng cao chất lượng văn phòng cho thuê,...

- Mảng dịch vụ quản lý kho: VSTEAM dự kiến dừng hoạt động của kho hàng tại Hà Nội từ tháng 7/2026, vì vậy doanh thu mảng dịch vụ quản lý kho dự kiến giảm mạnh.

- Mảng tài chính:

+ Vốn điều lệ của Công ty thấp, hầu hết vốn cho hoạt động kinh doanh bán hàng, vốn cho nộp thuế VAT nhập khẩu đối với dịch vụ XNK uỷ thác PTVT máy bay phải vay ngân hàng.

- Rủi ro về sự biến động tỷ giá ngoại tệ, sự thay đổi các chính sách thuế, các quy định hải quan, chiến tranh giữa Nga-Ukraine, chiến tranh ở Trung Đông,... cũng là những khó khăn lớn cần đặc biệt lưu ý trong năm 2026.

2. Kế hoạch SXKD năm 2026:

Trên cơ sở phân tích các thuận lợi, khó khăn của năm 2026 đồng thời căn cứ vào đặc thù, thực trạng, định hướng SXKD của Công ty và các thông tin hướng dẫn xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 của VNA, nắm bắt nhu cầu đầu tư của các đơn vị trong ngành

Hàng không và các khách hàng; Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026, kính trình HĐQT xem xét và trình ĐHCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu SXKD chính như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2026

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	KH 2026 so với TH 2025
1. Tổng doanh thu	296.432	454.785	153,42%
2. Tổng chi phí	288.772	446.313	154,56%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	7.660	8.473	110,60%
4. Tổng số lao động bình quân	85	88	103,53%
5. Tổng số lao động tại 31/12	85	88	103,53%
6. Tổng quỹ lương	27.784	29.708	106,92%
7. Thu nhập LĐ bình quân tháng	27,24	28,13	103,28%
8. Mức chia cổ tức dự kiến	20,0%	16,0%	80,00%
9. Tổng mức đầu tư (Khối lượng công việc hoàn thành)	475	10.200	2.146,46%
10. Tổng mức đầu tư (Giá trị giải ngân)	475	10.200	2.146,46%

- Trong bối cảnh tình hình thế giới năm 2026 hiện đang diễn biến rất phức tạp, để chủ động trong điều hành hoạt động SXKD, HĐQT trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT công ty:

+ Chủ động rà soát, điều chỉnh lại KH SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

+ Quyết định về thời gian và mức tạm ứng cổ tức năm 2026 trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- Danh mục các dự án đầu tư năm 2026 bao gồm:

Stt	Hạng mục đầu tư	Mức đầu tư (triệu đồng)
1	Tìm kiếm đối tác đầu tư dự án xây dựng toà nhà văn phòng tại 414 Nguyễn Văn Cừ, Bồ Đề, Hà Nội	2.000
2	Tìm kiếm đối tác đầu tư dự án xây dựng toà nhà văn phòng tại 200/10 Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	1.500
3	Nâng tầng nhà C	3.500

Stt	Hạng mục đầu tư	Mức đầu tư (triệu đồng)
4	Nâng cấp phần mềm kế toán	1.000
5	Mua mới xe ô tô	2.200
	Tổng mức đầu tư 2026	10.200

3. Một số giải pháp chính nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026 và định hướng phát triển cho những năm tiếp theo:

HDQT báo cáo ĐHCĐ một số giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026, cụ thể như sau:

- Đối với mảng kinh doanh uỷ thác, vận chuyển:
 - + Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hợp đồng uỷ thác và nâng cao chất lượng dịch vụ với VNA;
 - + Tăng cường mở rộng cung cấp dịch vụ uỷ thác, vận chuyển với các khách hàng mới;
- Đối với mảng kinh doanh bán hàng:
 - + Bám sát nhu cầu đầu tư mua sắm của các khách hàng truyền thống, xây dựng phương án giá hợp lý đảm bảo khả năng trúng thầu đồng thời có phương án chuẩn bị về nguồn vốn kinh doanh, nguồn hàng cung cấp, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ;
 - + Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường, giữ vững và phát triển thị phần, mở rộng kinh doanh ngoài ngành;
 - + Theo dõi sát các hợp đồng bán hàng hiện tại (cung cấp trang thiết bị mặt đất sân bay; cung cấp dụng cụ, vật phẩm sử dụng trên máy bay), thúc đẩy nhanh chóng giao hàng để tránh rủi ro có thể phát sinh trong tương lai; Đồng thời cân nhắc, lựa chọn các phương án kinh doanh ít rủi ro trong thời gian tới;
- Đối với mảng cho thuê văn phòng:
 - + Nghiên cứu, triển khai các giải pháp cho thuê các diện tích còn trống; triển khai các dự án xây dựng toà nhà văn phòng;
 - + Tiến hành cải tạo, sửa chữa khu vực đã xuống cấp, hư hỏng; duy trì thực hiện nghiêm túc quy định quản lý toà nhà; nâng cao chất lượng dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ để đảm bảo cân đối nguồn vốn, giảm lãi vay; Quản lý chặt chẽ công nợ, tránh phát sinh công nợ dài ngày, khó đòi;
- Về tổ chức cán bộ lao động: Ổn định tổ chức, cán bộ; sắp xếp, phân công lao động khoa học qua đó nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc và nâng cao năng suất lao động;
- Về công tác đào tạo: Triển khai công tác đào tạo theo kế hoạch để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, người lao động gồm: đào tạo nghiệp vụ về hàng nguy hiểm, kỹ năng quản lý hợp đồng, cập nhật về chế độ chính sách và nghiệp vụ ISO;
- Về tiền lương: Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế tiền lương Công ty, theo đó việc trả lương theo chức danh công việc được giao phù hợp tính chất, mức độ phức tạp công

việc đảm nhận và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động trong từng đơn vị, qua đó đảm bảo việc trả lương cho người lao động theo đúng nguyên tắc kịp thời, công bằng và phù hợp với số lượng, chất lượng và mức độ cống hiến của mỗi người, khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác; Thực hiện nghiêm túc các Quy định quản lý lao động và Tiêu chuẩn chức danh làm cơ sở tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đánh giá chất lượng lao động và trả lương phù hợp với năng lực, chất lượng lao động;

- Thực hiện rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy định của Công ty cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty; Thực hiện các giải pháp có hiệu quả để quản trị tốt các hợp đồng, tránh rủi ro, tiết kiệm chi phí tối đa, đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

- Về công nghệ: Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành để giảm hao phí lao động và tăng năng suất lao động; nghiên cứu và tiến hành nâng cấp phần mềm kế toán, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, tăng hiệu quả sử dụng và đảm bảo an toàn, bảo mật.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: đoàn kết - hợp tác - phát triển. Giữ nghiêm kỷ luật. Chăm lo xây dựng, củng cố truyền thống đoàn kết trong Công ty, quy tụ và phát huy khả năng của từng thành viên trong Công ty. Đảm bảo việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp, trên cơ sở đó tăng cường hiệu quả đầu tư cho các Cổ đông.

3. Một số kiến nghị với Tổng công ty HKVN với vai trò vừa là cổ đông lớn nhất vừa là đối tác truyền thống quan trọng nhất của Công ty AIRIMEX:

- Có cơ chế chính sách cho Airimex nói riêng và các công ty con nói chung để cùng hợp tác, tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng dịch vụ của VNA;

- Đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ, thanh toán công nợ do nguồn vốn Công ty chủ yếu từ vay nợ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo liên quan đến kết quả hoạt động SXKD thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Công ty CP XNK Hàng không. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ NHICH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đào Khắc Hậu



PHỤ LỤC

Tổng hợp Nghị quyết HĐQT Công ty năm 2025

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	25/2025/NQ-HĐQT-XNK	08/01/2025	NQ về việc: Sửa đổi Quy chế quản lý Tài chính của Công ty
2	30/2025/QĐ-HĐQT-XNK	09/01/2025	QĐ về việc: Ban hành Quy chế quản lý Tài chính của Công ty
3	865/2025/NQ-HĐQT-XNK	14/02/2025	NQ về việc: Cho phép Công ty tiếp tục thực hiện cơ chế tiền lương hiệu quả trong năm 2025
4	1091/2025/QĐ-HĐQT-XNK	05/03/2025	QĐ về việc: Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2025 của Công ty
5	1092/2025/QĐ-HĐQT-XNK	05/03/2025	QĐ về việc: Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐTN năm 2025
6	1095/2025/QĐ-HĐQT-XNK	06/03/2025	QĐ về việc: Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
7	1264/2025/NQ-HĐQT-XNK	20/03/2025	NQ về việc: Phiên họp thứ mười lăm, Nhiệm kỳ 2021 - 2026: Thông qua thời gian, địa điểm và các nội dung ĐHĐCĐTN 2025; phê duyệt quyết toán “Đầu tư mua sắm lắp đặt mới hệ thống thang máy của tòa nhà 6 tầng - khu vực trụ sở chính Công ty; Ban hành Quy chế Tổ chức và cán bộ của Công ty; Phương án xử lý HĐ 18/HĐSC-HN về dự án sửa chữa máy soi tại cảng Cát Lái; giao TGD xây dựng quy chế hạn mức tín dụng cho các hoạt động KD của Công ty.
8	1343/2025/QĐ-HĐQT-XNK	31/03/2025	QĐ về việc: Ban hành Quy chế tổ chức và cán bộ của Công ty
9	1531/2025/NQ-HĐQT-XNK	18/04/2025	NQ về việc: Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty
10	1831/2025/NQ-HĐQT-XNK	19/05/2025	NQ về việc: Điều chỉnh một số nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
11	2410/2025/NQ-HĐQT-XNK	27/06/2025	NQ về việc: Xử lý hàng tồn kho bị hư hỏng của Phòng xuất nhập khẩu 3
12	2412/2025/NQ-HĐQT-XNK	30/06/2025	NQ về việc: Phiên họp thứ mười sáu, nhiệm kỳ 2021-2026: Triển khai một số nội dung NQ ĐHĐCĐTN năm 2025: về kế hoạch SXKD năm 2025; phương án trích thưởng thành viên HĐQT, BKS, ban điều hành; lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2025
13	2721/2025/NQ-HĐQT-XNK	22/07/2025	NQ về việc: Đầu tư mua sắm lắp đặt hệ thống thang máy mới thay thế hệ thống thang máy cũ tòa nhà B Công ty.
14	2740/2025/NQ-HĐQT-XNK	25/07/2025	NQ về việc: Thông qua việc mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
15	3042/2025/NQ-HĐQT-XNK	21/08/2025	NQ về việc: Phê duyệt phương án làm Tổng thầu bán hàng khu vực miền Bắc cho nhà sản xuất Yohon và thành lập phòng Kinh doanh hàng tiêu dùng
16	3047/2025/QĐ-HĐQT-XNK	22/08/2025	QĐ về việc: Thành lập phòng kinh doanh hàng tiêu dùng
17	3341/2025/NQ-HĐQT-XNK	22/09/2025	NQ về việc: Phiên họp thứ mười bảy, Nhiệm kỳ 2021 - 2026: Thông qua Quy chế hoạt động phòng Kinh doanh hàng tiêu dùng và Phương án trả tiền lương, tiền thưởng của phòng Kinh doanh hàng tiêu dùng
18	3342/2025/QĐ-HĐQT-XNK	22/09/2025	QĐ về việc: ban hành “Quy chế hoạt động phòng Kinh doanh hàng tiêu dùng”
19	3874/2025/NQ-HĐQT-XNK	12/11/2025	NQ về việc: Thông qua việc mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội
20	3875/2025/NQ-HĐQT-XNK	12/11/2025	NQ về việc: Thông qua việc mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương
21	3876/2025/NQ-HĐQT-XNK	12/11/2025	NQ về việc: Thông qua việc mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa
22	3877/2025/NQ-HĐQT-XNK	12/11/2025	NQ về việc: Thông qua việc mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thụy Khuê
23	3996/2025/NQ-HĐQT-XNK	24/11/2025	NQ về việc: Phê duyệt PAKD thực hiện gói thầu “Trang bị xe đầu kéo hàng hóa, hành lý” cho Công ty TNHH Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Long Thành
24	4547/2025/NQ-HĐQT-XNK	28/11/2025	NQ về việc: Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2025
25	5003/2025/NQ-HĐQT-XNK	31/12/2025	NQ về việc: Phiên họp thứ mười tám, Nhiệm kỳ 2021 - 2026: Thay đổi Hệ thống thang bảng lương cơ bản làm căn cứ đóng bảo hiểm trong Quy định lương cơ bản của Công ty
26	5004/2025/QĐ-HĐQT-XNK	31/12/2025	QĐ về việc: Ban hành Hệ thống thang bảng lương cơ bản làm căn cứ đóng bảo hiểm trong Quy định lương cơ bản của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK HÀNG KHÔNG

**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

1. Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần XNK Hàng không
 2. Giấy đăng ký KD số : 010017934 ngày 09 tháng 10 năm 2013
 3. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu...
 4. Địa chỉ : 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, TP.Hà Nội; Điện thoại: 38271351; Fax: 38271925
 Vốn điều lệ: 31.112.830.000 VNĐ
 Trong đó vốn góp của Tổng Công ty : 12.852.000.000 VNĐ

ĐVT: Trđ

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025			Năm 2026	
			KH (1)	TH (2)	Tỷ lệ (2/1)	KH (3)	Tỷ lệ (3/2)
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	161.343	224.836	139,35	167.849	74,65
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	12.318	9.000	73,07	16.315	181,27
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		-	-		
3	Các khoản phải thu.	130-BCĐKT	138.051	200.817	145,47	138.843	69,14
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			1.559	-		
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	10.747	14.511	135,02	12.453	85,82
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	227	507	223,76	238	46,90
II	Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	12.538	6.609	52,71	13.472	203,84
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	-	-	-	-	
2	Tài sản cố định	220,230-BCĐKT	12.066	5.965	49,44	12.977	217,55
5	Tài sản dài hạn khác	240,260-BCĐKT	472	644	-	495	76,86
III	Nợ phải trả	300-BCĐKT	133.522	190.844	142,93	138.334	72,49
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	132.125	189.447	143,38	136.937	72,28
	Trong đó: Nợ quá hạn			-			
2	Nợ dài hạn	320-BCĐKT	1.397	1.397	100,00	1.397	100,00
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	40.358	40.601	100,60	42.987	105,88
1	Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	40.358	40.601	100,60	42.987	105,88
	Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	31.113	31.113	100,00	31.113	100,00
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	420-BCĐKT		-			
V	Kết quả kinh doanh						
1	Tổng doanh thu		275.162	293.432	106,64	454.785	154,99
	- Dthu về bán hàng và c.cấp DV	10-BCKQKD	274.962	291.140	105,88	454.585	156,14
	- Dthu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	200	2.165	1.082,67	200	9,24
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	-	127	-	-	-
2	Tổng chi phí		268.558	285.772	106,41	446.313	156,18
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	6.604	7.660	115,99	8.473	110,60
	+ Lợi nhuận do hoàn nhập dự phòng		-	-		-	
	+ Lợi nhuận từ hoạt động KD		6.604	7.660	115,99	8.473	110,60

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025			Năm 2026	
			KH (1)	TH (2)	Tỷ lệ (2/1)	KH (3)	Tỷ lệ (3/2)
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	5.242	5.931	113,15	6.700	112,96
VI	Các chỉ tiêu khác						
1	Tổng vốn CSH của DN tại ngày 31/12		40.358	40.601	100,60	42.987	105,88
	Trong đó vốn đầu tư của các CSH		31.113	31.113	100,00	31.113	100,00
2	Vốn đầu tư của TCT vào DN tại ngày 31/12		12.852	12.852	100,00	12.852	100,00
3	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		76,79	82,46	107,38	76,29	92,52
	- TS ngắn hạn/Nợ phải trả		1,21	1,18	97,52	1,21	102,54
4	Lợi nhuận trước thuế của DN		6.604	7.660	115,99	8.473	110,60
	+ Lợi nhuận do hoàn nhập dự phòng		-	-		-	
	+ Lợi nhuận từ hoạt động KD		6.604	7.660	115,99	8.473	110,60
5	Lợi nhuận Tổng Công ty được hưởng		1.285	2.570	200,00	2.056	80,00
	Trong đó : - Cổ tức		1.285	2.570	200,00	2.056	80,00
6	Tổng mức đầu tư trong năm của DN (GTGN)		6.700	475	7,09	10.200	2.146,46
7	Tổng phát sinh phải nộp NS trong năm		7.334	9.943	135,58	10.269	103,28
	Trong đó: Các loại thuế		7.334	9.943	135,58	10.269	103,28
8	Tổng quỹ lương		25.494	27.784	108,98	29.708	106,92
9	Số lao động bình quân (người)		87	85	97,70	88	103,53
10	Tiền lương bình quân người/ năm		24,42	27,24	111,55	28,13	103,28
11	Số lao động thuê ngoài bình quân		4	4	100,00	2	50,00
12	Chi phí nhân công thuê ngoài		756	765	101,19	350	45,75

Ngày 16 tháng 4 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Khắc Hậu

CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM 2026

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2025			Năm 2026	
		KH (1)	TH (2)	Tỷ lệ (2/1)	KH (3)	Tỷ lệ (3/2)
1. NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr.đ	7.334	9.943	135,58	10.269	103,28
1.1 Thuế giá trị gia tăng	Tr.đ	2.706	4.556	168,37	5.039	110,60
1.2 Thuế môn bài	Tr.đ	4	4	100,00	-	-
1.3 Thuế nhà đất	Tr.đ	1.816	1.816	100,00	1.816	99,98
1.4 Thuế XNK	Tr.đ	-	303	-	-	-
1.5 Thuế tiêu thụ đặc biệt + nhà thầu	Tr.đ	-	-	-	-	-
1.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	1.363	1.729	126,89	1.773	102,53
1.6 Thuế khác (TNCN)	Tr.đ	1.445	1.535	106,23	1.641	106,92
2. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN)	Tr.đ	6.700	475	7,09	10.200	2.146,46
3. TỔNG DOANH THU	Tr.đ	275.162	296.432	107,73	454.785	153,42
- Bán hàng	Tr.đ	158.680	158.275	99,74	316.296	199,84
- Ủy thác nhập khẩu	Tr.đ	44.342	52.921	119,35	54.331	102,66
- Dịch vụ vận chuyển, khác	Tr.đ	56.000	67.825	121,12	68.000	100,26
- Bán vé MB	Tr.đ	-	-	-	-	-
- Cho thuê VP	Tr.đ	14.684	13.843	94,28	15.355	110,92
- Dịch vụ quản lý kho	Tr.đ	1.257	1.277	101,61	603	47,25
- DT tài chính	Tr.đ	200	2.165	1.082,67	200	9,24
- Thu nhập khác	Tr.đ	-	127		-	-
4. TỔNG CHI PHÍ	Tr.đ	268.558	288.772	107,53	446.313	154,56
4.1 Chi cho CBCNV	Tr.đ	26.256	28.424	108,26	30.950	108,89
- Chi phí tiền lương	Tr.đ	25.494	27.784	108,98	29.708	106,92
- Tiền ăn ca	Tr.đ	762	640	83,95	1.242	194,13
4.2 BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	2.059	2.000	97,13	2.422	121,07
4.3 Chi phí vật tư, vốn hàng	Tr.đ	217.256	232.217	106,89	385.332	165,94
- Giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng	Tr.đ	151.750	154.009	101,49	305.878	198,61
- Chi phí dịch vụ	Tr.đ	65.506	78.208	119,39	79.454	101,59
4.4 Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	2.272	1.903	83,75	2.549	133,91
4.5 Chi khác	Tr.đ	18.578	20.993	113,00	22.766	108,45
- Chi khác bằng tiền	Tr.đ	17.978	19.200	106,80	21.020	109,48
Trong đó chi phí khác bằng tiền dự phòng là 10%						
- Chi phúc lợi cho người lao động	Tr.đ	600	1.454	242,34	1.400	96,28
- Dự phòng phải thu khó đòi	Tr.đ	-	339	-	346	102,00

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2025			Năm 2026	
		KH (1)	TH (2)	Tỷ lệ (2/1)	KH (3)	Tỷ lệ (3/2)
4.6 Chi phí hđộng tài chính	Tr.đ	2.136	3.062	143,37	2.294	74,92
Trong đó chi phí lãi vay	Tr.đ	2.136	1.596	74,70	1.794	112,45
4.7 Chi phí hoạt động khác	Tr.đ	-	171	-	-	-
5. LỢI NHUẬN	Tr.đ					
5.1 Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.604	7.660	115,99	8.473	110,60
Trong đó : + Lợi nhuận do hoàn nhập dự phòng	Tr.đ					
+ Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tr.đ	6.604	7.660	115,99	8.473	110,60
5.2 Thuế TNDN		1.363	1.729	126,89	1.773	102,53
5.3 Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	5.242	5.931	113,15	6.700	112,96
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung VDL						
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		524	731	139,46	670	91,65
+ Trích quỹ thưởng ban điều hành		285	471	164,98	514	109,07
+ Lợi nhuận còn lại năm nay		4.432	4.729	106,71	5.516	116,64
6 Lợi nhuận dự kiến chia cổ tức	Tr.đ	3.111	6.223	200,00	4.978	80,00
Lợi nhuận năm nay		4.432	4.729	106,71	5.516	116,64
Lợi nhuận năm trước để lại				#DIV/0!		#DIV/0!
Chi cổ tức (Tỷ lệ %/1.000 đ)		10,0%	20,0%	200,00	16,0%	80,00
6. LAO ĐỘNG (TẠI 31/12)	Người	87	85	97,70	88	103,53
7. LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN	Người	87	85	97,70	88	103,53
8. TIỀN LƯƠNG BQ 1 LĐ/THÁNG	Tr.đ	24,42	27,24	111,55	28,13	103,28
9. VỐN	Tr.đ	31.113	31.113	100,00	31.113	100,00
10. LAO ĐỘNG THUÊ NGOÀI (TẠI 31/12)	Người	4	4	100,00	-	-
11. LAO ĐỘNG THUÊ NGOÀI BÌNH QUÂN	Người	4	4	100,00	2	50,00
12. CHI PHÍ NHÂN CÔNG THUÊ NGOÀI	Tr.đ	756	765	101,19	350	45,75

Ngày 16 tháng 4 năm 2026
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đào Khắc Hậu



Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không
trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;
- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt nam và phát hành báo cáo kiểm toán số: 102/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2 ngày 27/02/2026.

Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không xin báo cáo ĐHĐCĐ TN năm 2026 về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty như sau.

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Cơ cấu và hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, nhân sự BKS không có sự thay đổi, nhân sự BKS hiện tại của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, bao gồm:

- + Ông Nguyễn Tiến Dũng: Trưởng BKS
- + Ông Đinh Phúc Lộc: Thành viên BKS
- + Bà Tống Thị Thanh Bình: Thành viên BKS

Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- Các thành viên BKS được nhận thù lao và chi phí hoạt động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ TN 2025.

- Trong năm 2025 hoạt động của BKS được tiến hành chủ động theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và theo quy chế hoạt động của BKS, cụ thể:

- + BKS đã xây dựng chương trình và nội dung làm việc năm 2025.
- + BKS đã kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2025.
- + BKS đã giám sát tình hình thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong năm 2025, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- + BKS đã giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2025 của Công ty.
- + Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập: BKS đã thực hiện trao đổi công việc, nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra và kiểm toán đưa ra.

2. Lương và thù lao của thành viên Ban kiểm soát:

Mức thù lao của thành viên ban Kiểm soát Công ty thực hiện theo nghị quyết số 20/2025/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 12/6/2025 và được chi trả đúng quy định.

- Chi tiết thù lao của các thành viên BKS:

+ Trưởng BKS mức thù lao 3,450 triệu đồng/tháng.

+ 02 TV BKS hưởng mức thù lao 2,890 triệu đồng/người/tháng

- Tổng thù lao chi trả cho các TV BKS trong năm 2025: là 110,76 triệu đồng.

- Chi phí hoạt động của BKS năm 2025: không phát sinh

3. Tổng kết các cuộc họp của BKS:

- Hợp thống nhất nội dung kết quả thẩm định BCTC năm 2024 của công ty;

- Hợp thống nhất nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ TN 2025;

- Hợp thống nhất nội dung báo cáo kết quả kiểm tra tình hình SXKD và mua sắm hàng hoá dịch vụ 6 tháng cuối năm 2024;

Hợp thống nhất nội dung góp ý về dự thảo quy chế hoạt động và phương án chi trả tiền lương, tiền thưởng của phòng kinh doanh hàng tiêu dùng.

- Hợp thống nhất nội dung báo cáo kết quả kiểm tra tình hình SXKD và công tác đầu tư mua sắm hàng hoá dịch vụ 6 tháng đầu năm 2025;

- Thống nhất giải quyết các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

Trong quá trình làm việc các thành viên trong BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và hiệu quả.

4. Phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các bộ phận quản lý của Công ty và cổ đông:

- Đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty, BKS duy trì mối quan hệ công tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự phối hợp từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty.

- Đối với cổ đông: trong năm 2025 BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu kiện nào từ cổ đông.

II. Kết quả giám sát hoạt động SXKD, quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty:

1. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được lập theo thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp và đã được công ty TNHH kiểm toán CPA Việt nam kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán số: 102/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2 ngày 27/02/2026..

- Ý kiến của kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của kiểm toán độc lập về các nội dung báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Airimex.



1.1 Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2025	TH 2024	TH 2025	%TH2025/ KH2025	%TH2025/ TH2024
1	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	275.162	330.658	296.432	107,73%	89,65%
2	Chi phí	Triệu đồng	268.558	324.621	288.772	107,53%	88,96%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.604	6.036	7.660	116,00%	126,90%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.242	4.772	5.931	113,15%	124,30%

Các số liệu về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 nêu trên của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt nam và đã được Ban kiểm soát thẩm định BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

1.2 Đánh giá kết quả SXKD:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 294,140 tỷ đồng, bằng 106,97% so với kế hoạch năm 2025, bằng 89,17% cùng kỳ năm 2024.

- Năm 2025 các hoạt động SXKD chính của công ty đạt kết quả tốt: các lĩnh vực XNK uỷ thác, dịch vụ vận chuyển. Doanh thu về bán hàng hoá năm 2025 đạt thấp hơn cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do một số hợp đồng ký kết năm 2023 được thực hiện và ghi nhận doanh thu trong năm 2024. Lĩnh vực cho thuê văn phòng và quản lý kho trong năm gặp khó khăn doanh thu sụt giảm so với KH.

- LNTT năm 2025 đạt 7,660 tỷ đồng bằng 116,00% KH 2025 và bằng 126,90% cùng kỳ năm trước. Có được kết quả trên là do Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành hoạt động SXKD linh hoạt, tìm kiếm mở rộng đối tác kinh doanh, tiết kiệm chi phí, sử dụng lao động hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty tạo công ăn việc làm và thu nhập cho NLĐ đem lại lợi nhuận cho công ty.

1.3 Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

Một số chỉ tiêu chính trên BCTC của công ty

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025
A. TÀI SẢN	231,444,909,259	172,275,408,667
I- Tài sản ngắn hạn	224,835,926,046	164,448,611,222
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	9,000,404,669	26,111,721,651
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1,750,000,000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	200,817,378,972	113,224,837,179
4. Hàng tồn kho	14,510,648,121	22,652,300,575
5. Tài sản ngắn hạn khác	507,494,284	709,751,817
II – Tài sản dài hạn	6,608,983,213	7,826,797,445
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	5,658,533,498	6,520,770,106
3. Bất động sản đầu tư	306,408,499	917,420,492
4. Tài sản dài hạn khác	644,041,216	388,606,847

NỘI DUNG	Số cuối năm 2025	Số đầu năm 2025
A. NGUỒN VỐN	231,444,909,259	172,275,408,667
I- Nợ phải trả	190,843,922,517	133,696,012,957
1. Nợ ngắn hạn	189,446,804,767	115,946,638,472
Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21,086,637,668	32,157,464,403
2. Nợ dài hạn	1,397,117,750	17,749,374,485
II. Vốn chủ sở hữu	40,600,986,742	38,579,395,710
1. Vốn góp của chủ sở hữu	31,112,830,000	31,112,830,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	9,910,890	9,910,890
3. Quỹ đầu tư phát triển		
4. Quỹ khác thuộc vốn CHS	1,473,497,115	1,473,497,115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,004,748,737	5,983,157,705
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	5,184,628,409	1,211,304,496
- LNST chưa phân phối kỳ này	2,820,120,328	4,771,853,209

Tại ngày 31/12/2025: tổng tài sản 231,445 tỷ đồng tăng 59,169 tỷ đồng tương đương tăng 34,35% so với đầu kỳ, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 60,387 tỷ đồng (tăng 36,72% so đầu kỳ), tài sản dài hạn giảm 1,218 tỷ đồng (giảm 15,56% so đầu kỳ),

Tại ngày 31/12/2025 tổng nguồn vốn 231,445 tỷ đồng tăng 59,169 tỷ đồng tương đương tăng 34,35% so với đầu kỳ, trong đó nợ phải trả tăng 57,148 tỷ đồng tương đương tăng 42,74% so với đầu kỳ, VCHS tăng 2,201 tỷ đồng tương đương tăng 5,24% so với đầu kỳ.

Công nợ phải thu, phải trả:

Công nợ phải thu

- Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2025 là: 200,817 tỷ đồng tăng 87,592 tỷ đồng (tương đương tăng 77,36%) so với đầu kỳ, trong đó: 100% là nợ phải thu ngắn hạn.

- Công tác xác nhận công nợ: Công ty đã thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty về quản lý công nợ phải thu. Công ty cần lưu ý thực hiện đơn đốc việc ký xác nhận công nợ cuối kỳ..

Công nợ phải trả

- Tổng số nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 là: 190,844 tỷ đồng tăng 57,148 tỷ đồng (tương đương tăng 42,47%) so với đầu kỳ, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 189,447 tỷ đồng chiếm 99,28%, nợ phải trả dài hạn 1,397 tỷ đồng chiếm 0,72% tổng số nợ phải trả.

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Các chỉ tiêu tài trợ vốn				
1. Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	21.06	22.39	17.54
2. Vốn chủ sở hữu trên tài sản dài hạn	%	370.66	492.91	614.33
3. Vốn chủ sở hữu trên tài sản cố định	%	471.69	591.64	717.51

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Các chỉ tiêu thanh khoản		-	-	-
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1.12	1.22	1.11
2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.21	1.42	1.19
3. Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1.27	1.29	1.21
4. Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	6.55	3.91	5.80
Các chỉ tiêu cân nợ		-	-	-
1. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	78.94	77.61	82.46
2. Nợ phải trả trên NVCSH	%	374.82	346.55	470.05
3. Dư nợ vay trên NVCSH	Lần	1.65	0.83	0.52
Các chỉ tiêu lợi tức		-	-	-
1. Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	2.57	1.83	2.60
2. Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	1.91	1.45	2.02
3. Lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3.29	3.65	4.32
4. Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2.45	2.89	3.34
5. Lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	12.56	15.34	19.06

- Đánh giá: Tình hình tài chính của Công ty, năm 2025 Công ty công ty hoạt động có lãi vì vậy Công ty bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

- Các chỉ số thanh toán của công ty được đảm bảo.

- Nợ phải trả của công ty có xu hướng tăng so với kỳ trước. Hệ số nợ phải trả/VCSH tại thời điểm 31/12/2025 là 4,70 lần, tăng so với đầu năm 2025 (3,47 lần) và lớn hơn 3 lần, Công ty cần lưu ý quan tâm quản lý các khoản công nợ để đảm bảo an toàn tài chính và hoạt động kinh doanh.

1.4 Đánh giá tình hình đầu tư:

- Năm 2025 Công ty thực hiện 01 dự án đầu tư thang máy nhà b với tổng mức đầu tư kế hoạch: 700 triệu đồng nằm trong danh mục đầu tư năm 2025 của Công ty đã được ĐHĐCĐ TN 2025 thông qua. Tổng giá trị giải ngân 475,20 triệu đồng.

- Trong năm 2025 công ty chỉ thực hiện 1/4 dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ TN 2025 thông qua là dự án đầu tư thang máy nhà b. Tổng giá trị giải ngân trong năm 2025 của công ty là 475,20 triệu đồng đạt 7,10 % Tổng KH giải ngân năm 2024.

- Các dự án đầu tư khác đã được phê duyệt trong KH 2025 Công ty chưa thực hiện trong năm 2025. (Đầu tư màn hình Leb quảng cáo nhà B, chuẩn bị đầu tư toà nhà văn phòng tại 414 Nguyễn Văn Cừ, chuẩn bị đầu tư toà nhà văn phòng tại 200/10 Nguyễn Sơn). Nguyên nhân do chưa tìm được đối tác.

- Năm 2025 Công ty không có kế hoạch đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

2. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty:

2.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, không có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Các cuộc họp của HĐQT thực hiện theo đúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ trong việc điều hành quản lý Công ty. Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã ban hành 19 Nghị quyết và

7 Quyết định để chỉ đạo thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và chỉ đạo công tác tổ chức, công tác quản trị điều hành hoạt động kinh doanh tại Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự và phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban TGD điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2.2 Hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành:

- Năm 2025 Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ TN 2025 và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các qui định của pháp luật, Điều lệ và qui chế quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

- Ban Tổng giám đốc điều hành đã sử dụng, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động của Công ty. Thực hiện đầy đủ các khuyến cáo kiến nghị của các cơ quan chức năng quản lý và nghĩa vụ thuế với Nhà nước và đem lại hiệu quả trong hoạt động SXKD (LNTT đạt 7,660 tỷ đồng bằng 116,00% KH 2025) và đảm bảo việc làm và cải thiện thu nhập cho NLĐ.

2.3 Về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đã được HĐQT Công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cụ thể:

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao năm 2025 cho các thành viên HĐQT và BKS với các mức chi cụ thể cho các đối tượng theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025.

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận tạm ứng cổ tức năm 2025 (tỷ lệ 10%) theo NQ số 4574/2025/NQ-HĐQT-XNK ngày 28/11/2025 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ TN năm 2025 số 20/2025/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 12/6/2025.

- Công ty đã thực hiện vượt KH SXKD năm 2025 về lợi nhuận.

2.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán :

- Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải điều chỉnh hay công bố trên BCTC.

III. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban điều hành Công ty:

1. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông

Ban Kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ:

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

- Thông qua các báo cáo và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của HĐQT trình ĐHĐCĐ.

- Về lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không:

+ Trên cơ sở đánh giá: công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán BCTC theo các quy định của chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán Việt Nam; Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi kiểm toán, thời gian kiểm toán mà Công ty yêu cầu, là đơn vị kiểm toán thuộc danh sách được Bộ tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 theo QĐ số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính;

+ BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (ICPA)
- Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Việt Nam.
- Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM

thực hiện kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2026 của Công ty. Thủ tục, quy trình lựa chọn công ty kiểm toán, tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

2. Kiến nghị Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc rà soát sửa đổi đề trình HĐQT ban hành Quy chế quản lý Hợp đồng kinh tế, quy chế quản lý đầu tư và XDCB và các VBQL khác phù hợp với quy định PL và thực tế hoạt động, kinh doanh của Công ty hiện nay.

3. Kiến nghị Ban Tổng giám đốc:

- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, đôn đốc các bộ phận liên quan trong việc quản lý công nợ, giảm thiểu công nợ quá hạn, công nợ phải thu khó đòi làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục chỉ đạo các bộ phận liên quan, thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế, quy định mà HĐQT và Tổng giám đốc đã ban hành. Đối chiếu và ký xác nhận công nợ với các đối tượng theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị trong Công ty tìm kiếm các đối tác khách hàng mới, tăng doanh thu và lợi nhuận cho cổ đông, tạo thêm việc làm và cải thiện đời sống cho người lao động.

IV. Kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện theo quy định, và tập trung vào các nội dung chính sau:

- Giám sát: thông qua các cuộc họp, các phiên họp dưới hình thức xin ý kiến trong năm 2026 của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến trên cơ sở phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD 2026 của Công ty:

+ Kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, quyết định của Ban Tổng giám đốc.

+ Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình thực hiện KH SXKD hàng quý.

+ Thẩm định các BCTC, báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng và năm 2026.

- Thực hiện kiểm tra chuyên đề: do BKS đánh giá và lựa chọn.

- Các công việc khác theo quy định của BKS

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tiến Dũng



Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ-XNK

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không;
Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không số 20/5/2026/BB-ĐHĐCĐ/XNK ngày 20/5/2026.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình thực hiện SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026 và các giải pháp thực hiện; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Cụ thể:

1.1. Thông qua kết quả SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	275.162	296.432	107,73%
Tổng chi phí	268.558	288.772	107,53%
Lợi nhuận trước thuế	6.604	7.660	115,99%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.242	5.931	113,15%
Mức chia cổ tức dự kiến	10%/VĐL	20%/VĐL	200,00%
Tổng vốn đầu tư (giá trị giải ngân)	6.700	475	7,09%

1.2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	KH 2026 so với TH 2025
Tổng doanh thu	296.432	454.785	153,42%
Tổng chi phí	288.772	446.313	154,56%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	KH 2026 so với TH 2025
Lợi nhuận trước thuế	7.660	8.473	110,60%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.931	6.700	112,96%
Mức chia cổ tức dự kiến	20%/VĐL	16%/VĐL	80,00%
Tổng vốn đầu tư (giá trị giải ngân)	475	10.200	2.146,46%

Các số liệu chi tiết và diễn giải được nêu tại Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty kèm theo Tờ trình số 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/4/2026 của HĐQT Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Chủ động rà soát, điều chỉnh lại KH SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

- Quyết định về thời gian và mức tạm ứng cổ tức năm 2026 trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

1.3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM. Một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tổng tài sản (31/12/2025) : 231.444.909.259 đồng
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2025) : 40.600.986.742 đồng
- Tổng doanh thu (01/01/2025 - 31/12/2025) : 296.432.079.603 đồng
- Lợi nhuận trước thuế (01/01/2025 - 31/12/2025) : 7.660.322.944 đồng

Các số liệu chi tiết được nêu tại Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM.

2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành năm 2025, về phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty (Chi tiết theo Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên kèm theo Tờ trình số 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/4/2026 của HĐQT Công ty).

Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam; Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC; Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (ICPA); Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Việt Nam; Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính bán niên và Báo cáo Tài chính năm 2026 của Công ty. Thủ tục, quy trình lựa chọn công ty kiểm toán, tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025, chi tiết như sau:

- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2025 của Công ty là : 7.660.322.944 đ;
- Thuế TNDN phải nộp năm 2025 : 1.728.919.616 đ;
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN : 5.931.403.328 đ,
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế và 20% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch) : 731.020.998 đ;

Trong đó: + Quỹ khen thưởng	:	146.204.200 đ
+ Quỹ phúc lợi	:	584.816.798 đ
- Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty	:	470.935.000 đ;
(1,5 tháng lương, thù lao thực hiện 2025 của Ban điều hành, thành viên HĐQT và thành viên BKS)		

(Phương án thưởng cụ thể ĐHCĐ giao HĐQT xem xét quyết định)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025	:	4.729.447.330 đ;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối những năm trước còn lại	:	5.184.628.409 đ;
• Tổng LN sau thuế TNDN chưa phân phối đến 31/12/2025 là	:	9.914.075.739 đ;
- Đề nghị mức chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, tỷ lệ 20% (2.000 đồng/cổ phần) là	:	6.222.566.000 đ;

Trong đó:

+ Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2025 (10%) đã thực hiện là	:	3.111.283.000 đ;
+ Đề nghị chi trả cổ tức lần 2 năm 2025 (10%) là	:	3.111.283.000 đ;
- Lợi nhuận còn lại chưa chia là	:	3.691.509.739 đ.

Thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2025 (bằng tiền) là: 17 giờ 00, ngày 04/06/2026; Thời gian thực hiện chi trả cổ tức lần 2 năm 2025: từ ngày 24/06/2026.

4. Thông qua thực hiện chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025 và mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2026, chi tiết như sau:

- Thực hiện chi thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2025:

- + Thành viên HĐQT: 4.640.000 đồng/tháng;
- + Trưởng BKS: 3.450.000 đồng/người/ tháng;
- + Các thành viên BKS: 2.890.000 đồng/người/tháng.

Tổng số tiền thù lao năm 2025 là: 333.480.000 đồng

- Mức chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026:

- + Thành viên HĐQT: 8.700.000 đồng/người/tháng;
- + Trưởng BKS: 6.460.000 đồng/người/tháng;
- + Các thành viên BKS: 5.000.000 đồng/người/tháng.

5. Ủy quyền cho HĐQT Công ty thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026 (Chi tiết việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026, theo Báo cáo về việc Trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty năm 2026 kèm theo Tờ trình số 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/4/2026 của HĐQT Công ty).

6. Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 (có Quy chế ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 kèm theo Tờ trình số 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/4/2026 của HĐQT Công ty).

7. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 (có Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 kèm theo Tờ trình số 1154/2026/TTr-HĐQT-XNK ngày 16/4/2026 của HĐQT Công ty).



8. Thông qua Danh sách ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031:

8.1. Ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT gồm 05 người (xếp tên theo thứ tự a, b, c,...):

.....

8.2. Ứng cử viên để bầu thành viên BKS gồm 03 người (xếp tên theo thứ tự a, b, c,...):

.....

9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031:

9.1. Kết quả trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ thành viên 2026-2031, gồm các ông/bà sau đây (xếp theo thứ tự phiếu bầu từ cao xuống):

-;

-;

-;

-;

- (Thành viên độc lập HĐQT).

9.2. Kết quả trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031, gồm các ông/bà sau đây (xếp theo thứ tự phiếu bầu từ cao xuống):

-;

-;

-

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không giao Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- TGĐ Cty;
- TV BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đào Khắc Hậu

Số: 1215 /2026/TB-HĐQT-XNK

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty CP XNK Hàng không nhiệm kỳ 2026-2031.

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không trân trọng thông báo về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026-2031 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Cổ đông có thể xem xét các thông tin cụ thể về việc ứng cử, đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 trong **Quy chế ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty CP XNK Hàng không nhiệm kỳ 2026-2031** kèm theo thông báo này. Các cổ đông, nhóm cổ đông muốn tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 cần gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử theo Quy định tại Quy chế trên.

Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi đến Ban tổ chức **trước 17 giờ, ngày 10/5/2026** theo địa chỉ sau:

- Địa chỉ: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không - số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84 - 4) 38271939; (84 - 4) 38271351

- Fax : (84 - 4) 38271925; (84 - 4) 38723439

(Nếu fax thì phải nộp lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp)

Các thông tin chi tiết được công bố tại website Công ty: **airimex.vn**

Trân trọng thông báo!

Tài liệu đính kèm:

- Quy chế ứng cử, đề cử;
- Đơn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS;
- Các tài liệu khác được đăng tải trên website của Công ty: **airimex.vn**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đào Khắc Hậu

Số: 1452 /2026/QC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ

Thành viên HĐQT, BKS Công ty CP XNK Hàng không nhiệm kỳ 2026-2031.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, tiến hành thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không thông báo tới các cổ đông một số quy định cụ thể về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

I. Ứng cử, đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

1. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT (theo quy định tại Khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty):

- a) Số lượng thành viên HĐQT: 05 người.
- b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- c) Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT: 05 năm (2026-2031). Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào thành viên HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020, cụ thể:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.



f) Đối với thành viên HĐQT độc lập, phải đáp ứng thêm các điều kiện:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Ứng cử, đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT:

Cổ đông, đại diện cổ đông lựa chọn các ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT nói trên để đề cử ứng viên cho ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT theo điều kiện sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng cử viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai ứng cử viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba ứng cử viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua ứng cử và đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Việc ứng cử, đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Nội dung bản ứng cử, đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người ứng cử, người được đề cử, chữ ký của cổ đông ứng cử, cổ đông đề cử và người được đề cử (Theo mẫu của Công ty kèm theo Quy chế này).

II. Ứng cử, đề cử ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

1. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên BKS (theo quy định tại Khoản 1, Điều 37 Điều lệ Công ty):

a) Số lượng thành viên BKS: 03 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên BKS: 05 năm (2026-2031). Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn thành viên BKS:

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào thành viên BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, (Đối với Trưởng BKS phải đáp ứng thêm các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 168 Luật doanh nghiệp), cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam;

h) Đối với Trường BKS phải đáp điều kiện: phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Ứng cử, đề cử ứng cử viên thành viên BKS:

Cổ đông, đại diện cổ đông lựa chọn các ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên BKS nói trên để đề cử ứng viên cho ĐHĐCĐ bầu thành viên BKS theo điều kiện sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Việc ứng cử, đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Nội dung bản ứng cử, đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người ứng cử, người được đề cử, chữ ký của cổ đông ứng cử, cổ đông đề cử và người được đề cử (Theo mẫu của Công ty kèm theo Quy chế này).

III. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS bao gồm:

1. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
3. Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), CCCD (hoặc hộ chiếu) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
4. Biên bản họp nhóm (nếu cổ đông/nhóm cổ đông đề cử theo nhóm).

IV. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định gửi ĐHĐCĐ để bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS.

V. Thời hạn và địa chỉ gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị các ứng cử viên gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử đến Ban tổ chức **trước 17h ngày 10/5/2026** theo địa chỉ sau:



- **Địa chỉ:** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không - 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội

- **Điện thoại:** (84 - 4) 38271939; (84 - 4) 38271351

- **Fax :** (84 - 4) 38271925; (84 - 4) 38723439

(nếu fax thì phải nộp lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp).

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, TGD, BKS (để biết);
- Lưu VT, T/K Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đào Khắc Hậu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/CCCD/ĐKKD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không nhiệm kỳ 2026 - 2031 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Đơn ứng cử, đề cử cùng các tài liệu có liên quan phải gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 17h00' ngày 10/05/2026



ĐƠN ỨNG CỬ

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/CCCD/ĐKKD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không cho tôi được ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không nhiệm kỳ 2026 - 2031 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Đơn ứng cử, đề cử cùng các tài liệu có liên quan phải gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 17h00' ngày 10/05/2026

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM**

**ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Hôm nay, ngày / /2026, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

Cổ đông	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
		Tổng cộng		

cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, nhiệm kỳ (2026-2031) trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không,

và:

Ông (Bà):
CMND/CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

làm ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, nhiệm kỳ (2026-2031) trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):
CMND/CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia ứng cử, đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày/...../2026 tại

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dùng cho các ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát)

[illegible]

16. Số cổ phần nắm giữ: cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: cổ phần
 + Đại diện sở hữu: cổ phần

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.... tháng năm 2026

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

Số: 1153 /2026/QC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ BẦU CỬ

Thành viên HĐQT, BKS Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không nhiệm kỳ 2026-2031.

I. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không.

Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không nhiệm kỳ 2026- 2031, gồm các nội dung sau:

II. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 17/4/2026) có mặt tại Đại hội.

III. Số lượng, thành phần thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031:

1. Số lượng, thành phần thành viên HĐQT:

- a) Số lượng thành viên HĐQT: 05 người.
- b) Thành phần thành viên HĐQT: Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Số lượng thành viên BKS: 03 người.

IV. Phương thức bầu cử:

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (05 người) hoặc BKS (03 người).

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bầu chọn ứng cử viên nào thì ghi số phiếu biểu quyết tương ứng với tên ứng cử viên đó.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn toàn bộ số phiếu biểu quyết của mình cho một số ứng viên – với tỉ lệ phiếu biểu quyết cho mỗi ứng viên là bằng nhau; hoặc dồn hết số phiếu biểu quyết của mình cho duy nhất một ứng viên; hoặc dồn cho một số ứng viên – với tỉ lệ phiếu bầu cho mỗi ứng viên là không bằng nhau.

(Xem chi tiết phương thức bầu dồn phiếu tại Phụ lục 1 kèm theo)



V. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS: Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

a) Phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất trên giấy màu có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Phiếu màu xanh: bầu thành viên HĐQT; Phiếu màu vàng: bầu thành viên BKS. Mẫu Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS kèm theo Quy chế này), có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 02 phiếu bầu cử (01 Phiếu bầu cử thành viên HĐQT và 01 Phiếu bầu cử thành viên BKS) theo mã số tham dự *sở hữu và được ủy quyền*.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

b) Ghi phiếu bầu:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông/đại diện ủy quyền viết số phiếu biểu quyết vào cột “Số phiếu biểu quyết” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông/đại diện ủy quyền điền số 0 hoặc gạch chéo (x) vào cột “Số phiếu biểu quyết” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có thể dồn phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào trong danh sách đề cử;

- Trường hợp cổ đông/đại diện ủy quyền bị nhầm lẫn khi ghi Phiếu bầu cử nhưng chưa bỏ vào Thùng phiếu, được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu đề nghị đổi lại Phiếu bầu cử.

VI. Quy định về Phiếu bầu cử hợp lệ và không hợp lệ:

1. Phiếu bầu cử hợp lệ:

Là phiếu bầu cử có đủ các điều kiện sau:

a) Là Phiếu bầu cử do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không phát hành, có đóng dấu treo của Công ty;

b) Phiếu bầu cử không bị rách, gạch xóa, sửa chữa;

c) Phiếu bầu cử được cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp ký xác nhận;

d) Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền họp được quyền bầu;

e) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f) Phiếu bầu không vượt số lượng thành viên cần bầu (số lượng thành viên HĐQT cần bầu là 05 người; số lượng thành viên BKS cần bầu là 03 người).

2. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

Là phiếu bầu cử thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phiếu bầu cử không do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không phát hành, không đóng dấu treo của Công ty;

b) Phiếu bầu cử bị rách, gạch xóa, sửa chữa ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua và các nội dung khác không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu bầu cử mới);

c) Phiếu bầu cử bầu vượt số lượng thành viên cần bầu;

d) Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông dự họp hoặc đại diện được ủy quyền dự họp;

e) Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp được quyền bầu;

f) Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

VII. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

1. Ban Kiểm phiếu:

a) Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
- Phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử và đề cử vào thành viên HĐQT, thành viên BKS;

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

a) Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu cũng sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu;

c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

VIII. Nguyên tắc chứng cứ thành viên HĐQT, thành viên BKS:

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được tính bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết bầu cho cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên cần bầu (số lượng thành viên HĐQT cần bầu là 05 người, trong đó có ít nhất 01 thành viên HĐQT độc lập; số lượng thành viên BKS cần bầu là 03 người).

2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên đó để chọn. Người trúng cử là người có số phiếu biểu quyết được bầu cao hơn.

IX. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

1. Sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành lập Biên bản kiểm phiếu.



2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
- b) Thành phần Ban kiểm phiếu;
- c) Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
- d) Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
- e) Số và tỷ lệ Phiếu bầu cử hợp lệ, Phiếu bầu cử không hợp lệ;
- f) Số và tỷ lệ số phiếu biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào thành viên HĐQT, BKS;
- g) Danh sách trúng cử thành viên HĐQT, BKS;
- h) Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu.

X. Giải quyết khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu:

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

XI. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, GĐ, BKS (để biết);
- Lưu VT, T/K Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Khắc Hậu



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

Mẫu

PHIẾU BẦU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2026 - 2031

1. Thông tin của cổ đông/đại diện được ủy quyền tham gia bầu cử:

MS cổ đông/đại diện ủy quyền:

Số cổ phần sở hữu /đại diện:

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2026-2031): **05 người**

Tổng số lượng phiếu biểu quyết: **Số cổ phần sở hữu/đại diện x 5 =**

2. Phân bầu cử:

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT		
STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	
2	Trần Văn B	
3	Phạm Văn C	
4	Nguyễn Văn D	
5	Lê Văn E	
6	Trần Thị F	
7	Trần Văn G	
8	Phạm Thị H	
	Tổng cộng	

Ngày 20 tháng 05 năm 2026
Cổ đông/đại diện ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

Mẫu

PHIẾU BẦU

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2026 - 2031

1. Thông tin của cổ đông/đại diện được ủy quyền tham gia bầu cử:

MS cổ đông/đại diện ủy quyền:

Số cổ phần sở hữu /đại diện:

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2026-2031): **03 người**

Tổng số lượng phiếu bầu quyết: **Số cổ phần sở hữu/đại diện x 3 =**

2. Phân bầu cử:

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT		
STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu quyết
1	Nguyễn Văn A	
2	Lê Văn B	
3	Trần Thị C	
4	Trần Văn D	
5	Phạm Thị E	
	Tổng cộng	

Ngày 20 tháng 05 năm 2026
Cổ đông/đại diện ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031, theo phương thức bầu dồn phiếu.

(Ban hành kèm theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không nhiệm kỳ 2026 - 2031)

1. Loại phiếu bầu:

- a) Phiếu màu xanh: bầu thành viên HĐQT.
- b) Phiếu màu vàng: bầu thành viên BKS.

2. Bỏ phiếu:

Bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS vào hòm phiếu.

3. Ghi phiếu bầu:

a) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT (05 người) hoặc BKS (03 người).

b) Cổ đông có thể chia tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện ủy quyền.

Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 trong tổng số 08 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn X nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn X là: $(1.000 \times 5) = 5.000$.

Cổ đông Nguyễn Văn X có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn X chia đều phiếu biểu quyết của mình cho 05 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu biểu quyết)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

PHIẾU BẦU

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

1. Thông tin của cổ đông/đại diện được ủy quyền tham gia bầu cử:

MS cổ đông/đại diện ủy quyền:

Số cổ phần sở hữu /đại diện: **1.000**

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2021-2026): **05 người**

Tổng số lượng phiếu biểu quyết: **1.000 x 5 = 5.000**

2. Phần bầu cử:

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT		
STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Trần Văn B	1.000
3	Phạm Văn C	1.000
4	Nguyễn Văn D	1.000
5	Lê Văn E	1.000
6	Trần Thị F	0
7	Trần Văn G	0
8	Phạm Thị H	0
	Tổng cộng	5.000

Ngày 20 tháng 05 năm 2026
Cổ đông/đại diện ủy quyền
(Ký tên)
Nguyễn Văn X

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn X dồn hết phiếu biểu quyết của mình cho 1 ứng viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

PHIẾU BẦU

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

1. Thông tin của cổ đông/đại diện được ủy quyền tham gia bầu cử:

MS cổ đông/đại diện ủy quyền:

Số cổ phần sở hữu /đại diện: **1.000**

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2016-2021): **05 người**

Tổng số lượng phiếu biểu quyết: **1.000 x 5 = 5.000**

2. Phần bầu cử:

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT		
STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	0
2	Trần Văn B	5.000
3	Phạm Văn C	0
4	Nguyễn Văn D	0
5	Lê Văn E	0
6	Trần Thị F	0
7	Trần Văn G	0
8	Phạm Thị H	0
	Tổng cộng	5.000

Ngày 20 tháng 05 năm 2026
Cổ đông/đại diện ủy quyền
(Ký tên)
Nguyễn Văn X

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn X chia phiếu biểu quyết của mình cho vài ứng viên (trường hợp bên dưới là dồn cho 02 ứng viên)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

**PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

1. Thông tin của cổ đông/đại diện được ủy quyền tham gia bầu cử:

MS cổ đông/đại diện ủy quyền:

Số cổ phần sở hữu /đại diện: **1.000**

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2021-2026): **05 người**

Tổng số lượng phiếu biểu quyết: **1.000 x 5 = 5.000**

2. Phần bầu cử:

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT		
STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	0
2	Trần Văn B	3.000
3	Phạm Văn C	2.000
4	Nguyễn Văn D	0
5	Lê Văn E	0
6	Trần Thị F	0
7	Trần Văn G	0
8	Phạm Thị H	0
	Tổng cộng	5.000

Ngày 20 tháng 05 năm 2026

Cổ đông/đại diện ủy quyền

(Ký tên)

Nguyễn Văn X

Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn X bỏ phiếu biểu quyết của mình cho 08 ứng viên (nhưng không đều nhau). **Trường hợp này Phiếu bầu không hợp lệ**, vì bầu cho 08 ứng viên (vượt quá số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 cần bầu là 05 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

PHIẾU BẦU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2026 - 2031

1. Thông tin của cổ đông/đại diện được ủy quyền tham gia bầu cử:

MS cổ đông/đại diện ủy quyền:

Số cổ phần sở hữu /đại diện: **1.000**

Số thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2016-2021): **05 người**

Tổng số lượng phiếu biểu quyết: **1.000 x 5 = 5.000**

2. Phần bầu cử:

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên HĐQT		
STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Trần Văn B	2.000
3	Phạm Văn C	500
4	Nguyễn Văn D	200
5	Lê Văn E	300
6	Trần Thị F	100
7	Trần Văn G	400
8	Phạm Thị H	500
	Tổng cộng	5.000

Ngày 20 tháng 05 năm 2026

Cổ đông/đại diện ủy quyền

(Ký tên)

Nguyễn Văn X

4. Phiếu bầu không hợp lệ:

a) Phiếu bầu cử không do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không phát hành, không đóng dấu treo của Công ty;

b) Phiếu bầu cử bị rách, gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua và các nội dung khác không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu bầu cử mới);

c) Phiếu bầu cử bầu vượt số lượng thành viên cần bầu;

d) Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông dự họp hoặc đại diện được ủy quyền dự họp;

e) Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp được quyền bầu;

f) Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Thùng phiếu đã được niêm phong

Việc bầu thành viên BKS được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT chỉ khác về số lượng thành viên.



GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không

Tên tôi là
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:
Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần.
Bằng chữ: cổ phần
Địa chỉ:
.....

Đăng ký tham dự **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026** ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không, tôi xin đăng ký tham dự với số cổ phần biểu quyết là cổ phần.

(Bằng chữ cổ phần). Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần.
- Số cổ phần được uỷ quyền: cổ phần.

Tôi xin cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Ngày tháng năm 2026
NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông lưu ý: - Vui lòng gửi Đơn đăng ký này kèm với Giấy uỷ quyền (nếu có) về Ban tổ chức Đại hội **trước 17h00 ngày 13/05/2025**.
- Khi đến dự Đại hội các Cổ đông hoặc Người được uỷ quyền phải mang theo CMND/CCCD (hoặc hộ chiếu) kèm theo Giấy mời.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Tên cá nhân/tổ chức:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....
cấp ngày.....tại.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:
(Bằng chữ:.....)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (Bên B):

Tên cá nhân/tổ chức:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾:
(Bằng chữ:.....)

NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không vào ngày 20 tháng 5 năm 2026
- Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết theo chỉ thị của bên A về tất cả các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên với.....cổ phần mà bên A sở hữu.

THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2025.

NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:

- Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết để bên B thực hiện công việc ủy quyền.
- Bên B có nghĩa vụ thực hiện đúng công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B, nếu vượt quá phạm vi công việc được ủy quyền bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh.;
- Bên B có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho bên A về các vấn đề phát sinh tại cuộc họp để bên A đưa ra chỉ thị về việc biểu quyết. Nếu không có sự phản hồi của bên A, bên B có thể biểu quyết theo ý chí của mình về các vấn đề đó mà không cần sự đồng ý của bên A.
- Bên B không được ủy quyền cho bên thứ 3 về việc thực hiện các công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B thực hiện.

Bên nhận ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bên ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾: Số cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt 17/4/2026



PHIẾU ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tên tôi là :

Cấp ngày..... /...../..... Nơi cấp

Địa chỉ:.....

[illegible]

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU:.....

Họ và tên đại biểu:.....

Số lượng cổ phần sở hữu:.....cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết:.....cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
HÀNG KHÔNG
Đ. LONG BIÊN - TP. HÀ

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:.....

Họ và tên đại biểu:.....
Số lượng cổ phần sở hữu:.....cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....cổ phần
Tổng số lượng cổ phần biểu quyết:.....cổ phần
(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về kết quả SXKD năm 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ về kế hoạch năm 2026 và các giải pháp thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và ban điều hành năm 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về phương án lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính bán niên và Báo cáo Tài chính năm 2026 của Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ về thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua các giao dịch với các bên liên quan của Công ty trong năm 2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn: Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến cho từng nội dung biểu quyết (Lựa chọn phương án nào đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô thuộc phương án đó). **Cổ đông/đại diện cổ đông của Tổng công ty HKVN-CTCP (Cổ đông có lợi ích liên quan tới các giao dịch thuộc nội dung 08) không được biểu quyết nội dung 08.**

Ngày tháng năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)